

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12
TRƯỜNG MẦM NON HOA MAI 2



THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12
TRƯỜNG MẦM NON HOA MAI 2

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Hồ Thị Hiệp	Hiệu trưởng	Chủ tịch hội đồng	
2	Huỳnh Thị Thu Sương	Phó hiệu trưởng	Phó chủ tịch hội đồng	
3	Nguyễn Ngọc Huyền Trân	Phó hiệu trưởng	Thư ký hội đồng	
4	Nguyễn Ngọc Chí	Bí thư chi bộ	Ủy viên hội đồng	
5	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Chủ tịch công đoàn	Ủy viên hội đồng	
6	Trương Thị Như Ý	Bí thư chi đoàn	Ủy viên hội đồng	
7	Nguyễn Thị Lệ	Tổ trưởng chuyên môn mẫu giáo 5-6 tuổi	Ủy viên hội đồng	
8	Nguyễn Thị Thanh Thê	Tổ trưởng chuyên môn mẫu giáo 4-5 tuổi	Ủy viên hội đồng	
9	Nguyễn Thị Hoài	Tổ trưởng chuyên môn mẫu giáo 3-4 tuổi	Ủy viên hội đồng	
10	Hồ Thị Lợi	Tổ trưởng chuyên môn nhà trẻ	Ủy viên hội đồng	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	3
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	5
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	10
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	10
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	13
Tiêu chuẩn 1: tổ chức và quản lý nhà trường	13
Mở đầu	13
Tiêu chí 1.1. Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.	13
Tiêu chí 1.2. Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác.	16
Tiêu chí 1.3. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường.	18
Tiêu chí 1.4. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng.	22
Tiêu chí 1.5. Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo.	25
Tiêu chí 1.6. Quản lý hành chính, tài chính và tài sản.	28
Tiêu chí 1.7. Quản lý cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên.	31
Tiêu chí 1.8. Quản lý các hoạt động giáo dục.	33
Tiêu chí 1.9. Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.	35
Tiêu chí 1.10. Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.	38
Kết luận về Tiêu chuẩn 1	40
Tiêu chuẩn 2: cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	41
Mở đầu	41
Tiêu chí 2.1. Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.	41
Tiêu chí 2.2. Đối với giáo viên.	45
Tiêu chí 2.3. Đối với nhân viên.	49

<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	51
Tiêu chuẩn 3: cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	52
Mở đầu	52
Tiêu chí 3.1. Diện tích, khuôn viên và sân vườn.	52
Tiêu chí 3.2. Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập.	55
Tiêu chí 3.3. Khối phòng hành chính - quản trị.	58
Tiêu chí 3.4. Khối phòng tổ chức ăn.	60
Tiêu chí 3.5. Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi.	63
Tiêu chí 3.6. Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước.	66
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	69
Tiêu chuẩn 4: quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	69
Mở đầu	69
Tiêu chí 4.1. Ban đại diện cha mẹ trẻ.	70
Tiêu chí 4.2. Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường.	72
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	75
Tiêu chuẩn 5: hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.	76
Mở đầu	76
Tiêu chí 5.1. Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non.	76
Tiêu chí 5.2. Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.	80
Tiêu chí 5.3. Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe.	83
Tiêu chí 5.4. Kết quả giáo dục.	87
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	90
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	92
Phần IV. PHỤ LỤC	93
Danh mục mã minh chứng	93

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

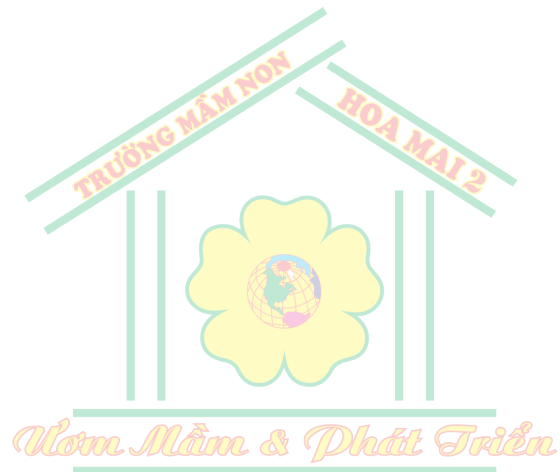
1. Kết quả đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	-
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	
Tiêu chí 1.5		x	x	x
Tiêu chí 1.6		x	x	
Tiêu chí 1.7		x	x	-
Tiêu chí 1.8		x	x	-
Tiêu chí 1.9		x	x	-
Tiêu chí 1.10		x	x	-
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	
Tiêu chí 2.3		x	x	x
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x	x	x
Tiêu chí 3.2		x	x	x
Tiêu chí 3.3		x	x	x
Tiêu chí 3.4		x	x	x
Tiêu chí 3.5		x	x	
Tiêu chí 3.6		x	x	-
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x	x	x

Tiêu chí 4.2		x	x	x
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	x
Tiêu chí 5.4		x	x	x

Kết quả: đạt Mức 2

2. Kết luận: trường đạt Mức 2



Phần I:
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: Trường Mầm non Hoa Mai 2

Tên trước đây: Trường Mầm non Hoa Mai 2

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân Quận 12

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Hồ Chí Minh	Họ và tên hiệu trưởng	Hồ Thị Hiệp
Huyện/quận /thị xã/thành phố	12	Điện thoại	02.837.173.093
Xã/phường/thị trấn	Tân Thới Hiệp	Fax	Không
Đạt Chuẩn quốc gia	2020	Website	www.mamnonhoamai2q12.edu.vn
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	2007	Số điểm trường	01 điểm chính
Công lập	Không	Loại hình khác	Không
Tư thục	Có	Thuộc vùng khó khăn	Không
Dân lập	Không	Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không
Trường liên kết với nước ngoài	Không		

1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo

Số nhóm, lớp	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
Nhóm trẻ từ 13 đến 18 tháng tuổi	00	00	00	00	00
Nhóm trẻ từ 19 đến 24 tháng tuổi	00	00	00	00	00
Nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi	04	04	04	04	03

Số lớp mẫu giáo 3-4 tuổi	05	05	04	05	05
Số lớp mẫu giáo 4-5 tuổi	06	05	05	06	06
Số lớp mẫu giáo 5-6 tuổi	05	06	05	05	06
Cộng	20	20	18	20	20

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Ghi chú
I	Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo	20	20	18	20	20	
1	Phòng kiên cố	20	20	18	20	20	
2	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
3	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
II	Khối phòng phục vụ học tập	02	02	02	03	05	
1	Phòng kiên cố	02	02	02	03	05	
2	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
3	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
III	Khối phòng hành chính quản trị	07	08	08	08	08	
1	Phòng kiên cố	07	08	08	08	08	
2	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
3	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
IV	Khối phòng	01	01	01	01	01	

	tổ chức ăn						
V	Các công trình, khôi phục chức năng khác (nếu có)	00	00	02	00	01	
	Cộng	30	31	31	32	35	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: tháng 09/2024

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	01	00	00	00	01	
Phó hiệu trưởng	02	02	00	00	00	02	
Giáo viên	43	43	00	00	19	24	04 giáo viên đang học nâng trình độ chuẩn theo lộ trình
Nhân viên	20	14	00	00	18	02	
Cộng	66	60	00	00	37	29	

b) Số liệu của 5 năm gần đây & Phát Triển

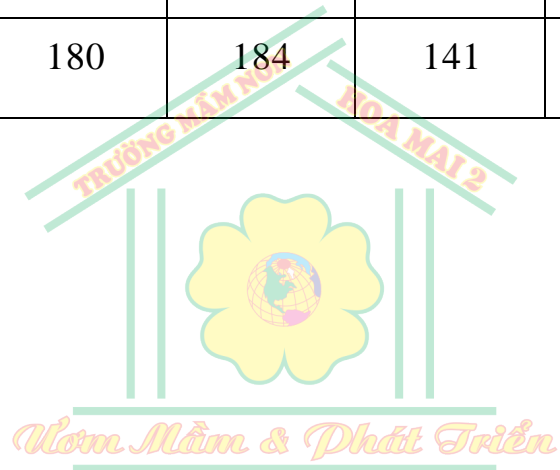
TT	Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
1	Tổng số giáo viên	47	48	42	46	46
2	Tỷ lệ trẻ em/giáo viên (đối với nhóm trẻ)	90/10 = 9,00	79/10 = 7,90	61/10 = 6,10	88/10 = 8,80	69/8 = 8,62
3	Tỷ lệ trẻ em/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú)	00	00	00	00	00

4	Tỷ lệ trẻ em/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo có trẻ em bán trú)	481/37 = 13,00	466/38 = 12,26	380/32 = 11,87	466/36 = 12,94	459/38 = 12,08
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	00	03	00	03	00
6	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	00	00	01	00	00

4. Trẻ em

TT	Số liệu	Năm học	Năm học	Năm học	Năm học	Năm học	Ghi chú
		2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	
1	Tổng số trẻ em	571	545	441	554	528	
	- Nữ	260	249	201	271	249	
	- Dân tộc thiểu số	00	00	00	00	00	
2	Đối tượng chính sách	00	00	00	00	00	
3	Khuyết tật	00	00	00	00	00	
4	Tuyển mới	245	187	295	265	260	
5	Học 2 buổi/ngày	00	00	00	00	00	
6	Bán trú	571	545	441	554	528	
7	Tỉ lệ trẻ em/lớp	481/16 = 30,06	466/16 = 29,12	380/14 = 27,14	466/16 = 29,12	459/17 = 27,00	
8	Tỉ lệ trẻ em/nhóm	90/4 = 22,50	79/4 = 19,75	61/4 = 15,25	88/4 = 22,00	69/3 = 23,00	
9	- Trẻ em từ 06 đến 12	00	00	00	00	00	

tháng tuổi						
- Trẻ em từ 13 đến 18 tháng tuổi	00	00	00	00	00	
- Trẻ em từ 19 đến 24 tháng tuổi	00	00	00	00	00	
- Trẻ em từ 25 đến 36 tháng tuổi	90	79	61	88	69	
- Trẻ em từ 3-4 tuổi	121	126	104	148	134	
- Trẻ em từ 4-5 tuổi	180	156	135	168	165	
- Trẻ em từ 5-6 tuổi	180	184	141	150	160	



Phần II: TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường Mầm non Hoa Mai 2 được thành lập theo Quyết định số 345/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Ủy ban nhân dân Quận 12. Trường có 01 điểm đặt tại số 26/6 đường Dương Thị Mười, khu phố 3, phường Tân Thới Hiệp, Quận 12 với diện tích khu đất xây dựng 5.300 m². Tháng 12 năm 2014, Ủy ban nhân dân Quận 12 ban hành Quyết định số 249/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2014 về điều chỉnh tên trường từ trường mầm non tư thục Hoa Mai 2 thành trường mầm non Hoa Mai 2.

Về cơ cấu tổ chức, nhân sự: trường có chi ủy, chi bộ đảng và các đoàn thể gồm chi đoàn, công đoàn cơ sở, chi hội phụ nữ, chi hội khuyến học. Tại thời điểm tự đánh giá, Trường Mầm non Hoa Mai 2 có 18 lớp với 431 trẻ. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường có 66 người và được cơ cấu theo quy định; có trình độ năng lực chuyên môn vững vàng, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và thực hiện Chương trình giáo dục mầm non. Trường có 03 giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp quận, 01 giáo viên dạy giỏi cấp thành phố. Công tác bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ luôn được nhà trường chú trọng và thực hiện thường xuyên; khuyến khích và tạo điều kiện cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nâng cao trình độ, nghiệp vụ tay nghề bằng nhiều hình thức: tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng tập huấn, tự học, tự bồi dưỡng, chia sẻ kinh nghiệm trong công tác.

Năm học 2019-2020, trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 theo Quyết định số 662-3/QĐ-GDDĐT-KTKĐCLGD, ngày 24/04/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh; và đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 theo Quyết định số 1650/QĐ-UBND, ngày 15 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Nói tiếp sự phấn đấu, trong 05 năm qua, nhà trường không ngừng nỗ lực cố gắng đổi mới, chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ được nâng lên rõ rệt; tiếp tục phát huy những điểm mạnh, triển khai thực hiện nhiều giải pháp tích cực để cải tiến chất lượng giáo dục ngày càng phát triển. Nhà trường đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất, sửa chữa phòng học cùng với hệ thống trang thiết bị, đồ dùng phục vụ cho công tác chăm sóc và giáo dục trẻ đáp ứng yêu cầu đổi mới của giáo dục theo xu hướng chuyển đổi số hiện nay.

Cùng với chất lượng giáo dục toàn diện, sự đầu tư giáo dục vừa có chiều sâu vừa mang tính toàn diện, trường tham gia năng nổ các phong trào thi đua trên địa bàn quận, của Ngành đã đem lại những kết quả đáng khích lệ. Hằng năm, số lượng trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non đạt 100%; tỷ lệ trẻ đến trường được duy trì đều đặn và luôn được sự tin tưởng của cha mẹ trẻ em và cộng đồng. Tập thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, giúp nhà trường 05 năm liền đạt danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, 03 lần đạt Bằng khen của Ủy ban nhân dân Thành phố, nhận Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân Thành phố, 03 năm liên tục được công nhận Đơn vị văn hóa. Ngoài ra, nhà trường được vinh dự là trường mầm non ngoài công lập báo cáo tham luận trong các hội nghị chuyên môn giáo dục mầm non do quận và thành phố tổ chức.

Với những cố gắng vượt bậc và bề dày thành tích đạt được, năm học 2023-2024, Trường Mầm non Hoa Mai 2 vinh dự được nhận bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (theo QĐ số 199/QĐ-TTg, ngày 08 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ). Đạt được các danh hiệu cao quý nêu trên không chỉ là niềm tự hào của tập thể nhà trường mà còn là động lực, là sự quan tâm công nhận của các cấp lãnh đạo đối với trường mầm non ngoài công lập, góp phần để tập thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường tiếp tục phấn đấu, rèn luyện và cống hiến cho sự nghiệp giáo dục mầm non, sự phát triển trẻ em, sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc.

2. Mục đích tự đánh giá

Trước yêu cầu thực tiễn về việc nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ hiện nay, Trường Mầm non Hoa Mai 2 đã triển khai công tác tự đánh giá nhằm định lại chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia theo nội dung tiêu chuẩn được Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành. Qua đó, giúp nhà trường tiếp tục xác định được những điểm mạnh nổi bật, những hạn chế cơ bản để có kế hoạch cải tiến nâng cao chất lượng hoạt động của nhà trường; đồng thời thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng tại đơn vị nhằm khuyến khích sự đầu tư và huy động các nguồn lực cho giáo dục, đảm bảo cho Trường Mầm non Hoa Mai 2 không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

Ngày 06 tháng 9 năm 2024: Hội đồng tự đánh giá Trường Mầm non Hoa Mai 2 tiến hành triển khai tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá, phổ biến kế hoạch tự đánh giá đến toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường.

Từ ngày 16 tháng 9 năm 2024: các nhóm công tác tiến hành rà soát, thu thập, xử lý, phân tích các thông tin, minh chứng đối chiếu thực trạng của nhà trường với các tiêu chuẩn, tiêu chí của bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia. Trên cơ sở phân tích đánh giá các điểm mạnh và những tồn tại để làm căn cứ xây dựng kế hoạch tìm ra biện pháp để khắc phục những tồn tại nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường. Ban thư ký tập hợp các phiếu tự đánh giá theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí hoàn thiện báo cáo tự đánh giá.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024: nhà trường tiến hành công khai báo cáo tự đánh giá trước tập thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường với sự đồng thuận cao của tập thể hội đồng sư phạm nhà trường; đồng thời công khai báo cáo tự đánh giá với các cấp lãnh đạo để được xây dựng góp ý cho báo cáo tự đánh giá ngày càng hoàn chỉnh.

Quy trình kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia của Trường Mầm non Hoa Mai 2 được thực hiện theo kế hoạch, có sự tham gia của các

bộ phận trong nhà trường, thực hiện một cách khách quan, trung thực các thông tin minh chứng cụ thể, rõ ràng, đảm bảo độ tin cậy. Báo cáo tự đánh giá thể hiện tính bao quát đầy đủ các tiêu chí trong tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường.

Qua kết quả tự đánh giá giúp từng mỗi cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhận thức rõ hơn vai trò, trách nhiệm của mình trước nhiệm vụ được giao; đồng thời rút ra được những điểm mạnh, điểm yếu của nhà trường từ đó có biện pháp khắc phục để cải tiến chất lượng hoạt động của nhà trường trong những năm tiếp theo.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Trường Mầm non Hoa Mai 2 có phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường; có bộ máy, cơ cấu tổ chức hoạt động theo quy định của Điều lệ trường mầm non, là cơ sở đảm bảo cho việc thực hiện tổ chức và quản lý tốt nhà trường.

Nhà trường thực hiện tốt việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản; quản lý cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; tổ chức nhóm trẻ, lớp mẫu giáo đúng theo quy định; quản lý các hoạt động giáo dục; thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở theo quy định; luôn chú trọng công tác đảm bảo an ninh trật tự, an toàn tuyệt đối cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ em trong đơn vị; xây dựng và thực hiện tốt các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học, phòng chống tai nạn thương tích trong trường mầm non.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) *Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;*

b) *Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;*

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của Phòng Giáo dục và Đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng sư phạm của trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường nhiệm kỳ 2016-2021; 2022-2027 nhằm nâng cao chất lượng trong công tác chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ, giúp trẻ em phát triển toàn diện các lĩnh vực hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào học lớp một. Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế-xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực nhà trường [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02]; [H1-1.1-03]; [H1-1.1-04].

b) Kế hoạch phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường đã trình và được Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 12 ký duyệt và được triển khai thực hiện [H1-1.1-01].

c) Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được triển khai trong đội ngũ thông qua các buổi họp đầu năm học, niêm yết công khai tại bảng tin nhà trường [H1-1.1-04].

Mức 2

Hàng tháng, hàng quý và từng học kỳ nhà trường đều tiến hành giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng, phát triển trong từng năm học: giám sát nguồn thu, chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục của đội ngũ; sự phát triển của trẻ theo từng lĩnh vực; công tác phổ cập giáo dục trẻ 5 tuổi... từ đó rút ra bài học kinh nghiệm, đề ra biện pháp khả thi, điều chỉnh các biện pháp chưa đạt hiệu quả trong phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường [H1-1.1-01]; [H1-1.1-03].

Mức 3:

Định kỳ vào đầu mỗi năm học, hội đồng trường thực hiện rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường dựa trên kết quả đạt được, hạn chế tồn tại của năm học trước và mục tiêu, yêu cầu đối với giáo dục mầm non trong năm học [H1-1.1-01]; [H1-1.1-03].

Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia đầy đủ của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng. Tuy nhiên, hình thức công khai phương hướng chiến lược phát triển nhà trường chưa được thực hiện trên trang thông tin điện tử của nhà trường [H1-1.1-01].

2. Điểm mạnh

Trường có xây dựng kế hoạch phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non, định hướng phát triển kinh tế-xã hội của địa phương và nguồn lực của nhà trường; có các biện pháp cụ thể để giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược và phát triển đạt hiệu quả; định kỳ được rà soát, bổ sung và điều chỉnh cho phù hợp với nhiệm vụ từng năm học; có sự tham gia của các thành viên hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ em và cộng đồng trong quá trình xây dựng kế hoạch phương hướng phát triển chiến lược.

3. Điểm yếu

Hình thức công khai phương hướng chiến lược phát triển nhà trường chưa được thực hiện trên trang thông tin điện tử của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục thực hiện đánh giá, rà soát, bổ sung phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển theo từng giai đoạn và tình hình thực tiễn. Trong tháng 11 năm 2024, trường thực hiện việc công khai phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển trên trang thông tin điện tử nhà trường để cha mẹ trẻ và cộng đồng cùng tham gia và đóng góp ý kiến.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường Mầm non Hoa Mai 2 là trường mầm non ngoài công lập do bà Hồ Thị Hiệp góp vốn đầu tư toàn bộ kinh phí xây dựng và hoạt động. Hội đồng trường Mầm non Hoa Mai 2 nhiệm kỳ 2024-2029 được thành lập đúng quy định của Điều lệ trường mầm non, theo Quyết định số 2976/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban Nhân dân Quận 12” [H1-1.2-01]. Bên cạnh đó, nhà trường có các hội đồng khác do hiệu trưởng thành lập vào đầu năm học: hội đồng thi đua khen thưởng [H1-1.2-02]; Hội đồng chăm sóc kiến kinh nghiệm [H1-1.2-03]; Hội đồng chăm sóc giáo viên giỏi cấp trường [H1-1.2-04].

b) Nhà đầu tư đồng thời là hiệu trưởng nhà trường có nhiệm vụ là chủ tịch Hội đồng trường chịu trách nhiệm thực hiện các quy định của Điều lệ trường mầm non được ban hành kèm theo số Thông tư số 52/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hội đồng trường thực hiện xây

dụng phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường; quyết nghị thông qua quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường; xem xét, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định của nhà trường khi cần thiết; phê duyệt dự toán, quyết toán tài chính hằng năm và giám sát việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện công tác huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực phát triển nhà trường; có phương án về tổ chức bộ máy hoạt động trong nhà trường. Giám sát việc thực hiện các nghị quyết của hội đồng trường, việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động nhà trường. Gắn kết nhà trường với cộng đồng và xã hội; bảo đảm thực hiện đúng theo kế hoạch năm học đã đề ra và chất lượng chuyên môn của đội ngũ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02]; [H1-1.1-03].

c) Hội đồng trường họp thường kỳ 03 lần trong năm để rà soát, đánh giá việc thực hiện các hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ, việc thực hiện quy chế dân chủ theo quy định [H1-1.2-01]. Các hội đồng khác được họp vào cuối học kỳ I và cuối năm học nhằm giúp hiệu trưởng rà soát đánh giá việc tổ chức tốt phong trào thi đua; chấm thi giáo viên giỏi; xét và công nhận sáng kiến; đề nghị danh sách khen thưởng đối với quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04]. Ngoài ra, chủ tịch hội đồng trường và các hội đồng khác triệu tập những phiên họp bất thường nhằm giải quyết kịp thời những vấn đề phát sinh, cấp bách tại đơn vị [H1-1.2-01].

Mức 2:

Hoạt động của hội đồng trường và các hội đồng khác được thực hiện có hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường: thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường không để xảy ra trường hợp đội ngũ giáo viên, nhân viên, phụ huynh học sinh khiếu nại, tố cáo nhà trường vi phạm quy chế dân chủ; tổ chức tốt phong trào thi đua khen thưởng, phát huy tính tích cực tham gia tốt các phong trào trong đội ngũ; hỗ trợ nhà trường xây dựng đội ngũ giáo viên giỏi, xét và công nhận sáng kiến đúng thời gian quy định [H1-1.1-01]; [H1-1.1-03]. Tuy nhiên, còn 02 thành viên hội đồng

trường chưa hiểu rõ nhiệm vụ, quyền hạn của hội đồng trường nên chưa phát huy tốt vai trò cá nhân trong hoạt động của hội đồng mà mình tham gia.

2. Điểm mạnh

Hội đồng trường và các hội đồng khác trong nhà trường được thành lập, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Điều lệ trường mầm non; hoạt động hiệu quả giúp nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu

Còn 02 thành viên hội đồng trường chưa hiểu rõ nhiệm vụ, quyền hạn của hội đồng trường nên chưa phát huy tốt vai trò cá nhân trong hoạt động của hội đồng mà mình tham gia.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục phát huy hiệu quả hoạt động của hội đồng trường và các hội đồng khác góp phần nâng cao hơn nữa chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Chủ tịch Hội đồng trường và các hội đồng khác tổ chức tập huấn cho các thành viên về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Điều lệ trường mầm non; bồi dưỡng nâng cao năng lực nghiệp vụ để các thành viên thực hiện tốt vai trò trong hội đồng mà mình tham gia.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) *Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;*

b) *Hoạt động theo quy định;*

c) *Hàng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Các đoàn thể và các tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định. Công đoàn cơ sở gồm 59 công đoàn viên trực thuộc Liên đoàn Lao động Quận 12 [H1-1.3-01]. Chi đoàn trường có 18 đoàn viên trực thuộc Đoàn phường Tân Thới Hiệp [H1-1.3-02]. Trường có các tổ chức xã hội: chi hội khuyến học [H1-1.3-03]; chi hội phụ nữ [H1-1.3-04].

b) Các đoàn thể và các tổ chức khác trong nhà trường hoạt động theo quy định: thực hiện theo Nghị quyết, theo Điều lệ đã đề ra trong từng năm học, nhiệm kỳ, trên cơ sở tự nguyện theo nguyên tắc tập trung dân chủ và phù hợp với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04].

c) Hằng năm, hoạt động của các đoàn thể và các tổ chức khác trong nhà trường đều được rà soát, đánh giá kịp thời để đảm bảo thực hiện đúng theo Nghị quyết, kế hoạch đã đề ra; có kiến nghị, đề xuất và phối hợp để giải quyết những vấn đề có liên quan đến công tác tại đơn vị theo quy trình dân chủ, công khai, đúng nguyên tắc [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04].

Mức 2:

a) Chi bộ Trường Mầm non Hoa Mai 2 gồm 15 đảng viên, có thành lập chi ủy, trực thuộc Đảng ủy phường Tân Thới Hiệp. Chi bộ nhà trường tổ chức sinh hoạt định kỳ hằng tháng theo quy định để đánh giá công tác xây dựng Đảng, lãnh đạo các hoạt động giáo dục trong nhà trường và các mặt hoạt động của các đoàn thể [H1-1.3-05]. Trong 05 năm qua, Chi bộ Trường Mầm non Hoa Mai 2 luôn được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-06].

b) Các đoàn thể và các tổ chức khác trong nhà trường có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường. Hằng năm, công đoàn kết hợp với chi hội phụ nữ chăm lo, bảo vệ quyền lợi chính đáng cho người lao động; tham gia kiểm tra, giám sát các hoạt động của đơn vị; tuyên truyền, vận động người lao động nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp, chấp hành đúng pháp luật [H1-1.3-01]; [H1-1.3-04]. Chi đoàn tổ chức các hoạt động, phối hợp với chính quyền, các đoàn thể làm tốt công tác thanh niên, xây dựng tổ chức đoàn tại đơn vị [H1-1.3-02]. Chi hội khuyến học luôn tích cực hỗ trợ việc dạy và học, góp phần nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong đơn vị, xây dựng xã hội học tập [H1-1.3-03].

Mức 3:

a) Trong 05 năm từ năm 2019 đến 2023, Chi bộ Trường Mầm non Hoa Mai 2 luôn được đánh giá đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-06].

b) Các đoàn thể, tổ chức khác trong những năm học qua đã đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng được các cấp lãnh đạo công nhận và khen tặng. Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh có nhiều hoạt động thiết thực đóng góp cho cộng đồng: tham gia hiến máu nhân đạo, ủng hộ quỹ vì người nghèo, tham gia công tác phòng chống covid-19 [H1-1.3-07]; [H1-1.3-08]; [H1-1.3-09]; [H1-1.3.10]. Tuy nhiên, việc phát triển đảng viên trong nhà trường từ các đoàn thể như công đoàn, phụ nữ còn ít, chủ yếu phát triển tại chi đoàn.

Đoàn thể, tổ chức khác	Thành tích, kết quả đạt được
Công đoàn	<ul style="list-style-type: none"> - Bằng khen đạt thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và hoạt động Công đoàn năm học: 2019-2020; 2020-2021; 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024 - Đơn vị đạt giải nhì hội thi trung bày mâm ngũ quả năm 2019 - Giấy khen đơn vị đạt thành tích trong hoạt động “Tháng công nhân” năm 2020 - Đơn vị đạt giải ba “Tiếng hát nhà giáo và người lao động ngành giáo dục” năm 2020 - Đơn vị đạt giải Nhất đi bộ đồng hành với chủ đề “Đồng hành cùng công nhân lao động quận 12 có hoàn cảnh khó khăn” năm 2023 - Giấy khen Công đoàn thực hiện tốt việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” năm 2024
Chi đoàn	<ul style="list-style-type: none"> - Chi đoàn hoàn thành xuất sắc trong 5 năm từ 2019-2024 - Giấy khen Chi đoàn tiêu biểu năm 2020 của UBND Quận 12 - Giấy khen Chi đoàn có thành tích xuất sắc năm học 2020-2021; 2021-2022; 2022-2023 của Quận Đoàn - Giấy khen Chi đoàn có thành tích xuất sắc Nhiệm kỳ 2017-2022 của Quận Đoàn
Hội khuyến học	<ul style="list-style-type: none"> - Đạt thành tích xuất sắc trong công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập năm 2019, 2022; 2023
Chi hội phụ nữ	<ul style="list-style-type: none"> - Đạt thành tích xuất sắc trong công tác Hội năm 2019; 2020; 2021; 2023 - Đạt thành tích “Chi hội phụ nữ có thành tích xuất sắc trong phong trào phụ nữ và hoạt động hội năm 2019”. - Giấy khen Chi hội phụ nữ đã có thành tích tốt trong thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2008 của Bộ

<p>chính trị (Khóa X) về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kì mới năm 2023</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạt giải nhất hội thi “Làm mứt tết” năm 2022; 2023 - Đạt giải nhất hội thi “thiết kế Thiệp Giáng sinh” năm 2023 - Đạt giải nhất hội thi “Liên hoan tiếng hát dân ca” năm 2019 - Đạt giải nhì hội thi văn nghệ năm 2022 - Đạt giải nhất hội thi “Áo dài Việt nét đẹp tỏa sáng” năm 2023
--

2. Điểm mạnh

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức và hoạt động đúng chức năng và nhiệm vụ theo quy định. Trong 05 năm (từ năm 2019 đến 2023), chi bộ luôn được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

3. Điểm yếu

Việc phát triển đảng viên trong nhà trường từ các đoàn thể như công đoàn, phụ nữ còn ít chủ yếu phát triển tại chi đoàn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì cơ cấu tổ chức của các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường đảm bảo theo quy định; chú trọng phát huy vai trò, hiệu quả hoạt động của các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường để phối hợp chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và bảo vệ lợi ích chính đáng cho đội ngũ, học sinh, nâng cao chất lượng đội ngũ, chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Trong năm 2025, chi bộ sẽ bồi dưỡng và phát triển đội ngũ đảng viên là công đoàn viên ưu tú.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

a) *Hàng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;*

b) *Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát đánh giá, điều chỉnh.*

Mức 3:

a) *Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;*

b) *Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường Mầm non Hoa Mai 2 có quy mô trên 09 nhóm, lớp nên có 01 hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng. Hiệu trưởng là bà Hồ Thị Hiệp được Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 12 công nhận theo Quyết định số 14/QĐ-GDDT ngày 18 tháng 02 năm 2020 [H1-1.4-01]. Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng là bà Huỳnh Thị Thu Sương được Ủy ban nhân dân Quận 12 công nhận theo Quyết định 7848/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2023 [H1-1.4-02]. Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục là bà Nguyễn Ngọc Huyền Trân được Ủy ban nhân dân Quận 12 công nhận theo Quyết định số 7849/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2023 [H1-1.4-03].

b) Trường có 05 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng. Các tổ chuyên môn gồm: tổ chuyên môn nuôi dưỡng có 10 nhân viên nấu ăn, tổ chuyên môn nhà trẻ có 09 giáo viên, tổ chuyên môn mẫu giáo 3-4 tuổi có 09 giáo viên, tổ chuyên môn mẫu giáo 4-5 tuổi có 12 giáo viên, tổ chuyên môn mẫu giáo 5-6 tuổi có 13 giáo viên. Tổ văn phòng có 13 người (03 cán bộ quản lý, 01 kế toán, 01 nhân viên y tế, 01 nhân viên văn thư; 01 nhân viên phụ trách cơ sở vật chất; 03 phục vụ và 03 bảo vệ) [H1-1.4-04].

c) Căn cứ vào kế hoạch năm học của nhà trường, tổ chuyên môn, tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động tuần, tháng, năm và thực hiện bồi dưỡng

chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công việc, sinh hoạt định kỳ 02 lần/tháng theo quy định của Điều lệ trường mầm non [H1-1.4-05]; [H1-1.4-06].

Mức 2:

a) Mỗi năm học, tổ chuyên môn đã đề xuất và thực hiện ít nhất một chuyên đề chuyên môn đem lại hiệu quả giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ tại đơn vị như [H1-1.4-07].

b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng tổ chức họp định kỳ 02 lần/tháng đúng theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Qua các buổi họp, tổ chuyên môn và tổ văn phòng thực hiện rà soát, đánh giá, điều chỉnh các hoạt động trong tổ cho phù hợp với tình hình thực tế; điều chỉnh, bổ sung hoạt động khi có yêu cầu từ cơ quan quản lý chuyên môn và lãnh đạo nhà trường; bổ sung nội dung, lịch dự giờ chuyên môn khi tổ viên chưa nắm vững phương pháp thực hiện nhằm mang lại hiệu quả trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H1-1.1-03]; [H1-1.4-05]; [H1-1.4-06].

Mức 3:

a) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng hoạt động của nhà trường: rà soát đánh giá, điều chỉnh các hoạt động trong tổ đảm bảo yêu cầu kế hoạch nhà trường; điều chỉnh bổ sung hoạt động cho phù hợp với tình hình thực tế, chỉ đạo của lãnh đạo nhà trường và cơ quan quản lý chuyên môn; bồi dưỡng nâng cao năng lực cho giáo viên; dự giờ đánh giá kỹ năng thực hành sư phạm của giáo viên; đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non; tổ chức các chuyên đề nâng cao hiệu quả nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H1-1.4-05]; [H1-1.4-06].

b) Hằng năm, tổ chuyên môn đều thực hiện có hiệu quả chuyên đề của quận và trường góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường [H1-1.1-03]; [H1-1.4-07]. Tuy nhiên, trong hoạt động tổ chuyên môn khi tổ chức chuyên đề vẫn còn ít giáo viên tổ chức, chưa phát huy hết năng lực của giáo viên trong tổ; nội dung chuyên đề của tổ chuyên môn chưa đáp ứng yêu cầu

bồi dưỡng năng lực sáng tạo, đổi mới tổ chức hoạt động của giáo viên góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

2. Điểm mạnh

Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng của nhà trường có kế hoạch hoạt động, thực hiện tốt các nhiệm vụ theo quy định, đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ tại đơn vị.

3. Điểm yếu

Trong hoạt động của tổ chuyên môn khi tổ chức chuyên đề vẫn còn ít giáo viên tham gia hội giảng, thao giảng, chưa phát huy hết năng lực của giáo viên trong tổ. Nội dung chuyên đề của tổ chuyên môn chưa đáp ứng yêu cầu bồi dưỡng năng lực sáng tạo, đổi mới tổ chức hoạt động của giáo viên góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục phát huy vai trò của tổ trưởng chuyên môn trong việc đánh giá, xếp loại giáo viên làm tiền đề xây dựng nội dung, phương thức bồi dưỡng phù hợp, bám sát nhu cầu phát triển nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho từng giáo viên. Hiệu trưởng chỉ đạo và tạo điều kiện cho cán bộ quản lý, tổ trưởng chuyên môn tham quan học tập các trường bạn trong và ngoài quận để nhân rộng chuyên đề tại đơn vị, tổ chuyên môn. Tổ trưởng chuyên môn xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện chuyên đề phù hợp nhu cầu, bám sát thực tiễn; vận động, khuyến khích và có các hình thức khen thưởng giáo viên đăng kí tham gia hội giảng chuyên đề; cung cấp tài liệu, bồi dưỡng, hướng dẫn giáo viên kỹ năng tổ chức hoạt động đảm bảo đạt mục tiêu yêu cầu chuyên đề, đồng thời là cơ hội giúp giáo viên rèn luyện nâng cao năng lực sư phạm, mạnh dạn phát huy “ý tưởng mới”, “sáng kiến hay” trong hoạt động góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo

Mức 1:

a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép;

b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày;

c) Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ cùng một dạng khuyết tật.

Mức 2:

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.

Mức 3:

Nhà trường có không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Năm học 2024-2025, trường có 18 nhóm, lớp được phân chia theo đúng độ tuổi: 03 nhóm nhà trẻ 25-36 tháng, 04 lớp mẫu giáo 3-4 tuổi, 05 lớp mẫu giáo 4-5 tuổi, 06 lớp mẫu giáo 5-6 tuổi, có đầy đủ hồ sơ quản lý trẻ theo quy định [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02]. Tuy nhiên, nhà trường chưa tổ chức nhóm trẻ từ 06 đến 24 tháng tuổi.

b) 100% trẻ ở nhóm nhà trẻ, lớp mẫu giáo được học hai buổi/ngày và tổ chức bán trú tại trường đúng theo quy định tại Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 về ban hành Điều lệ trường mầm non [H1-1.5-03].

c) Trong 05 năm học vừa qua, nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-04]; [H1-1.8-02].

Mức 2:

Trong năm học 2024-2025, nhà trường nhận trẻ đúng theo Quyết định số 2775/KH-UBND-GDĐT, ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Quận 12 về ban hành kế hoạch tuyển sinh năm học 2024-2025; đảm bảo số lượng trẻ trong các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo đúng theo quy định của Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT, ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành

Điều lệ trường mầm non [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02]. Tuy nhiên, nhà trường chưa tổ chức nhóm trẻ từ 06 đến 24 tháng tuổi.

Nhóm trẻ/lớp	Số trẻ được quy định trong nhóm lớp theo Điều lệ trường MN	Số trẻ/1 lớp thực tế tại đơn vị
Nhóm 25-36 tháng tuổi (Nhóm Nhà trẻ 1)	25 trẻ/1 nhóm	22
Nhóm 25-36 tháng tuổi (Nhóm Nhà trẻ 2)		22
Nhóm 25-36 tháng tuổi (Nhóm Nhà trẻ 3)		23
Lớp mẫu giáo 3-4 tuổi (Lớp Mầm 1)	25 trẻ/1 lớp	24
Lớp mẫu giáo 3-4 tuổi (Lớp Mầm 2)		23
Lớp mẫu giáo 3-4 tuổi (Lớp Mầm 3)		24
Lớp mẫu giáo 3-4 tuổi (Lớp Mầm 4)		24
Lớp mẫu giáo 4-5 tuổi (Lớp Chồi 1)	30 trẻ/1 lớp	24
Lớp mẫu giáo 4-5 tuổi (Lớp Chồi 2)		25
Lớp mẫu giáo 4-5 tuổi (Lớp Chồi 3)		25
Lớp mẫu giáo 4-5 tuổi (Lớp Chồi 4)		24
Lớp mẫu giáo 4-5 tuổi (Lớp Chồi 5)		23
Lớp mẫu giáo 5-6 tuổi (Lớp Lá 1)	35 trẻ/1 lớp	25
Lớp mẫu giáo 5-6 tuổi (Lớp Lá 2)		24
Lớp mẫu giáo 5-6 tuổi (Lớp Lá 3)		25
Lớp mẫu giáo 5-6 tuổi (Lớp Lá 4)		25

Lớp mẫu giáo 5-6 tuổi (Lớp Lá 5)		24
Lớp mẫu giáo 5-6 tuổi (Lớp Lá 6)		25
Tổng cộng		431

Mức 3:

Năm học 2024-2025, trường có 18 nhóm lớp trong đó có 03 nhóm nhà trẻ và 15 lớp mẫu giáo phù hợp với quy định của Điều lệ trường mầm non [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02].

2. Điểm mạnh

Trường có các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia đúng độ tuổi. Trẻ được phân chia theo đúng độ tuổi và số trẻ trong mỗi nhóm trẻ và lớp mẫu giáo đảm bảo đúng theo quy định của Điều lệ trường mầm non. 100% trẻ được học hai buổi/ngày và tổ chức bán trú tại trường.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa tổ chức nhóm trẻ từ 06 đến 24 tháng tuổi

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì việc phân chia trẻ đúng theo độ tuổi, đảm bảo số trẻ trong mỗi nhóm trẻ và lớp mẫu giáo đúng theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Hiệu trưởng tổ chức rà soát các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, xây dựng kế hoạch phát triển nhóm nhà trẻ, kế hoạch tuyển dụng giáo viên để đảm bảo lộ trình thực hiện tổ chức các nhóm trẻ từ 06 đến 24 tháng tuổi; dự kiến học kì II năm học 2024-2025 tổ chức nhóm trẻ từ 19 đến 24 tháng tuổi.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

- a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;
- b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế

chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định của Luật Lưu trữ số 01/2011/QH13. Hồ sơ luôn đáp ứng các tiêu chuẩn về dữ liệu thông tin đầu vào, bảo đảm tính kế thừa, tính thống nhất, độ xác thực, an toàn và khả năng truy cập; được bảo quản và sử dụng theo phương pháp chuyên môn, nghiệp vụ không để xảy ra tình trạng mất mát, thất lạc hồ sơ [H1-1.6-01]; [H1-1.1-03]; [H1-1.6-02].

b) Trong những năm học qua, nhà trường có thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê và công khai tài chính cho đội ngũ quản lý, giáo viên, nhân viên và cha mẹ trẻ tại các buổi họp hội đồng trường, phụ huynh, bảng thông tin nhà trường để nắm bắt về tình hình tài chính, chế độ thu chi của nhà trường. Hàng ngày, trường có công khai tài chính tiền chợ bán trú đến phụ huynh. Quy chế chi tiêu nội bộ được triển khai, có bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành [H1-1.6-02]; [H1-1.6-03].

c) Nhà trường quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả, đảm bảo đủ nguồn kinh phí thường xuyên để nhà trường hoạt động theo kế hoạch đề ra và có dự trù kinh phí bổ sung để kịp thời đảm bảo việc phát sinh trang

bị, mua sắm bổ sung thiết bị, đồ dùng, đồ chơi phục vụ các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non. Việc tổ chức quản lý tài chính, tài sản có hệ thống sổ sách theo dõi chặt chẽ, kết hợp trực tiếp giám sát, kiểm tra, kịp thời chấn chỉnh ngay các sai sót nếu có về quản lý, sử dụng tài chính, tài sản trong nhà trường [H1-1.6-02]; [H1-1.6.04].

Mức 2:

a) Nhà trường có ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường: sử dụng hệ thống phần mềm quản lý trường mầm non vào việc thu, chi hằng ngày, điểm danh, phần mềm dinh dưỡng kết nối trực dữ liệu Ngành [H1.1.1-03]; [H3-3.4-04].

b) Trong 05 năm qua (tính đến tháng 5/2024), nhà trường không vi phạm về công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản [H1-1.1-03].

Mức 3:

Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch để bổ sung kinh phí sửa chữa, bổ sung cơ sở vật chất, đồng thời lập kế hoạch để phối hợp với phụ huynh bổ sung trang thiết bị phục vụ cho công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02]. Tuy nhiên, nhà trường chưa xây dựng được kế hoạch dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường để đảm bảo thực thi hiệu quả các kế hoạch, dự án phát triển nhà trường, chương trình nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

2. Điểm mạnh

Nhà trường quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích, tiết kiệm, công khai, hiệu quả để phục vụ các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ tại đơn vị; có sử dụng phương tiện công nghệ thông tin và các phần mềm quản lý hiệu quả; định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định. Quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa xây dựng được kế hoạch dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường để đảm bảo thực thi hiệu quả các

kế hoạch, dự án phát triển nhà trường, chương trình nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Hiệu trưởng có kế hoạch nâng cấp phần mềm quản lý tài chính của kế toán để đảm bảo thực hiện tốt công tác quản lý dữ liệu, báo cáo, giảm tải thời gian thực hiện tổng hợp tiểu mục chi của các nguồn thu. Hiệu trưởng chỉ đạo nhân viên kế toán nhà trường rà soát các điều kiện thực tế, tham mưu cho hiệu trưởng, hội đồng trường xây dựng kế hoạch dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường để đảm bảo thực thi hiệu quả các kế hoạch, dự án phát triển nhà trường, chương trình nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, căn cứ kế hoạch của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố, Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 12, nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chính trị với các chuyên đề “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí

Minh”, “Tôn trọng nhân dân, phát huy dân chủ, chăm lo đời sống giáo viên, nhân viên nhà trường, thực hiện nhiệm vụ Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ” [H1-1.3-05]; bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên về nâng cao chất lượng tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H1-1.7-01], hướng dẫn cho giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục từng năm học; học tập bồi dưỡng thường xuyên; thao giảng các giờ học, giờ chơi, tổ chức bữa ăn, tổ chức hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng trẻ [H1-1.7-02]; [H1-1.7-03]; tổ chức cho bảo vệ, giáo viên, nhân viên được tham gia tập huấn công tác phòng chống cháy nổ, phòng cháy chữa cháy [H1-1.7-04] [H1-1.7-05]; tổ chức cho nhân viên nấu ăn tập huấn kiến thức vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.7-06].

b) Hiệu trưởng phân công cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, phù hợp năng lực chuyên môn, sở trường kinh nghiệm đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường. Giáo viên trẻ, mới ra trường được bố trí làm việc chung với giáo viên lâu năm trong ngành vững chuyên môn để hỗ trợ trong công tác chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ. Giáo viên có nhiều kinh nghiệm trong chăm sóc trẻ được nhà trường bố trí phụ trách nhóm trẻ 25-36 tháng tuổi để cha mẹ trẻ yên tâm gửi trẻ đến trường [H1-1.4-04]; [H1-1.1-03].

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định: đảm bảo các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, được hưởng lương, phụ cấp và các chế độ khác theo quy định của pháp luật [H1-1.6-02]. Hiệu trưởng tạo điều kiện hỗ trợ về thời gian cho giáo viên, nhân viên khi được cử đi học để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; được tổ chức tham quan nghỉ dưỡng vào dịp hè [H1-1.3-01] [H1-1.9-01], được khám sức khỏe một lần trong một năm theo chế độ, chính sách quy định [H1-1.5-04]; được tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp [H1-1.6-02].

Mức 2:

Hằng năm, nhà trường có các biện pháp để phát huy được năng lực của đội ngũ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường: tạo điều kiện cho giáo viên tham gia học các lớp học

bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, các lớp học nâng cao, tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn, thực hiện các chuyên đề cấp trường, cấp quận... đã phát huy được tính tự giác, tích cực, sáng tạo của đội ngũ; đổi mới phương pháp trên cơ sở sử dụng và khai thác khả năng các phương tiện, thiết bị dạy học hiện đại, cách thức kiểm tra-đánh giá trong đào tạo, bồi dưỡng để xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường [H1-1.1-02]; [H1-1.1-03]; [H1-1.4-07]; [H1-1.7-01]. Tuy nhiên, nhà trường chưa có biện pháp để phát huy tính độc lập của giáo viên mới chưa có nhiều kinh nghiệm trong nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có xây dựng kế hoạch bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Hiệu trưởng phân công sử dụng đội ngũ rõ ràng, hợp lý, mang lại hiệu quả hoạt động của nhà trường; thực hiện đầy đủ các chế độ, đảm bảo các quyền theo quy định; có biện pháp đổi mới trong đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ quản lý, đổi mới cách thức kiểm tra, đánh giá mang lại hiệu quả trong công tác xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có biện pháp để phát huy tính độc lập của giáo viên mới chưa có nhiều kinh nghiệm trong nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ quản lý, giáo viên và nhân viên theo kế hoạch đã đề ra đầu năm học; phân công cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, phù hợp năng lực chuyên môn, sở trường kinh nghiệm đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường. Hiệu trưởng chỉ đạo các tổ trưởng chuyên môn tăng cường bồi dưỡng chuyên sâu kỹ năng thực hành nghiệp vụ sư phạm cho các giáo viên trẻ mới công tác; sắp xếp cho giáo viên dự giờ các nhóm, lớp bạn để học tập, trao đổi kinh nghiệm tổ chức hoạt động; khuyến khích giáo viên mạnh dạn vận dụng các kiến thức, ý tưởng sáng tạo vào hoạt động giảng dạy để phát huy tính độc lập, chủ động, tích cực của đội ngũ giáo viên trẻ trong công

tác. Hiệu trưởng quan tâm động viên, khuyến khích giáo viên tham gia các phong trào thi đua, hội thi giáo viên dạy giỏi nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên nòng cốt của nhà trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

- a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;
- b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;
- c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Hằng năm, hiệu trưởng và hai phó hiệu trưởng căn cứ vào kế hoạch giáo dục mầm non của phòng giáo dục và đào tạo; Văn bản hợp nhất 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Chương trình giáo dục mầm non để làm cơ sở xây dựng kế hoạch giáo dục cho phù hợp với tình hình thực tế địa phương, điều kiện của nhà trường [H1-1.1-02]; [H1-1.7-02]; [H1-1.7-03].

b) Kế hoạch năm học của nhà trường và kế hoạch giáo dục của giáo viên được thực hiện đầy đủ các nội dung (kế hoạch năm, kế hoạch tháng, kế hoạch tuần); các nội dung trong kế hoạch có sự thống nhất, xuyên suốt và logic trong quá trình thực hiện [H1-1.7-02]; [H1-1.8-01].

c) Kế hoạch giáo dục của giáo viên được phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục, tổ trưởng chuyên môn rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời theo tuần, tháng, cuối học kỳ và cuối năm học. Hằng tuần, giáo viên nộp kế hoạch giáo dục cho tổ trưởng chuyên môn, phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục kiểm tra đánh giá trên mạng nội

bộ nhà trường nhằm giúp giáo viên có sự điều chỉnh kế hoạch giáo dục tại nhóm, lớp cho phù hợp tình hình thực tế nhóm, lớp và năng lực của trẻ. Hằng năm vào đầu tháng 3, nhà trường có tổ chức kiểm tra đánh giá để bổ sung để đảm bảo thực hiện đầy đủ kế hoạch giáo dục năm học của các lớp [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02]; [H1-1.7-02]. Tuy nhiên, còn 02 giáo viên mới thực hiện xây dựng kế hoạch giáo dục tuần, ngày chưa đảm bảo tiến độ thời gian quy định.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường được Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 12 đánh giá đạt hiệu quả cao [H1-1.7-02]; [H1-1.7-03]; [H1-1.8-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định của Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và điều kiện của nhà trường. Kế hoạch giáo dục được tổ chức thực hiện đầy đủ, định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời. Cán bộ quản lý có biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá để luôn đảm bảo chất lượng tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu

Còn 02 giáo viên thực hiện xây dựng kế hoạch giáo dục tuần, ngày chưa đảm bảo tiến độ thời gian quy định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì và tăng cường các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá để luôn đảm bảo chất lượng tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ; thực hiện cài đặt phần mềm chia sẻ nội bộ tại máy tính các lớp nhằm thuận tiện cho việc xây dựng, bổ sung, điều chỉnh và nộp báo cáo kế hoạch giáo dục một cách nhanh chóng. Hiệu trưởng phân công phó hiệu trưởng tiếp tục bồi dưỡng cho giáo viên kỹ năng thực hành xây dựng kế hoạch giáo dục đảm bảo theo qui định hiện hành, điều

kiện thực tế địa phương và của nhà trường; xếp lịch kiểm tra kế hoạch giáo dục một cách khoa học, đảm bảo đúng tiến độ đề ra.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, đội ngũ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến trực tiếp, hoặc thông qua người đại diện tổ chức công đoàn để góp ý kiến về xây dựng kế hoạch hoạt động nhà trường; chủ trương, giải pháp thực hiện nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước liên quan đến nhiệm vụ của đơn vị; được tham gia thảo luận, đóng góp ý về nội quy lề lối làm việc, phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; được tham gia xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, các chế độ, chính sách liên quan đến quyền và lợi ích của người lao động; tham gia, góp ý kiến cho các phong trào thi đua trong năm học đúng theo quy định tại Thông tư 11/2020/TT-BGDĐT, ngày 19 tháng 05 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện dân chủ trong hoạt động của đơn vị [H1-1.9-01]; [H1-1.9-02].

b) Hằng tháng, hiệu trưởng tổ chức đối thoại trực tiếp hoặc thông qua các buổi sinh hoạt, các buổi họp hội đồng để tiếp nhận, giải quyết những khiếu nại, kiến nghị của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường. Trong các năm

qua, Trường Mầm non Hoa Mai 2 không có trường hợp khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trong nội bộ nhà trường [H1-1.1-06]; [H1-1.9-02]; .

c) Hằng năm, nhà trường thực hiện đầy đủ báo cáo quy chế dân chủ cơ sở chính xác, đúng quy định, đúng thời gian đến Đảng ủy phường Tân Thới Hiệp, Liên đoàn lao động Quận 12 và công khai các báo cáo trong đội ngũ quản lý, giáo viên, nhân viên thông qua trong Hội nghị người lao động đúng theo quy định [H1-1.9-02].

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường luôn được công khai minh bạch tại các hội nghị, thông qua các buổi họp; Nhà trường thường xuyên thực hiện kiểm tra giám sát với các cá nhân, tổ khối... bằng các hình thức gián tiếp, trực tiếp, qua đó giúp nhà trường đánh giá đúng tình hình triển khai, thực hiện các chủ trương, quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước; nhận ra những mặt đạt được, những hạn chế, khó khăn và nguyên nhân; bài học kinh nghiệm, những mô hình hay, cách làm tốt để nhân rộng, đem lại hiệu quả cao trong việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường [H1-1.3-01]; [H1-1.9-01]; [H1-1.9-02]. Tuy nhiên, việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường chưa được công khai trên website của đơn vị.

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ, đảm bảo công khai minh bạch. Các thành viên trong nhà trường tích cực tham gia đóng góp ý kiến trên tinh thần xây dựng và mang lại hiệu quả cao đối với nhiệm vụ được giao .

3. Điểm yếu

Việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường chưa được công khai trên website của đơn vị.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì tổ chức tốt hội nghị người lao động; nêu rõ trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của mỗi cá nhân để tất cả nhà giáo, cán bộ quản lý, người lao động và cha mẹ trẻ em nắm và thực hiện có hiệu quả quy chế dân chủ trong hoạt động nhà trường; định kỳ

tổ chức hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo nhà trường và nhà giáo, người lao động trong đơn vị để kịp thời nắm bắt, lắng nghe ý kiến, giải quyết tâm tư, nguyện vọng của người lao động theo đúng quy chế dân chủ đã ban hành. Hiệu trưởng tiếp tục phát huy vai trò của tổ chức công đoàn, ban thanh tra nhân dân, chi đoàn, ban đại diện cha mẹ học sinh và các tổ chức khác trong nhà trường tham gia giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ đảm bảo công khai, minh bạch và hiệu quả; chỉ đạo bộ phận, cá nhân phụ trách thực hiện công khai rộng rãi kết quả thực hiện quy chế dân chủ trên cổng thông tin website của trường để phát huy vai trò của cộng đồng tham gia giám sát các hoạt động của nhà trường giúp nâng cao hiệu quả công tác quản lý tại đơn vị.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có phương án và quy chế phối hợp với Công an phường Tân Thới Hiệp về việc đảm bảo an ninh trật tự an toàn trường học [H1-1.10-01]; phương án đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.10-02]; phương án an toàn phòng chống tai nạn, thương tích [H1-1.10-03]; có phối hợp với công an phòng cháy chữa cháy Quận 12 xây dựng phương án an toàn phòng, chống cháy nổ tại đơn vị [H1-1.7-04]; có phương án và quy chế phối hợp với trạm y tế phường Tân Thới Hiệp để thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh tại đơn vị [H1-1.10-04]; có xây dựng phương án phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-05]. Từ năm học 2019-2020 cho đến nay, nhà trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ và được công nhận bếp ăn đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm [H1-1.10-06].

b) Trường có hộp thư góp ý được đặt trước cổng trường, đường dây nóng 028.35970030, trang website www.mamnonhoamai2q12.edu.vn để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân [H1-1.10-07]; thực hiện tốt công tác phối hợp với bảo vệ, công an phường, các đoàn thể, ban đại diện cha mẹ học sinh để đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường [H1-1.10-01]. Trong 05 năm học qua nhà trường chưa để xảy ra tình trạng mất an toàn cho trẻ và đội ngũ tại đơn vị [H1-1.1-03].

c) Trong 05 năm học qua nhà trường không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới tại đơn vị [H1-1.1-03].

Mức 2:

a) Hằng năm, quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ luôn được phổ biến, hướng dẫn thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự [H1-1.10-01]; vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.10-02]; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích [H1-1.10-03]; an toàn phòng, chống cháy nổ [H1-1.7-05]; phòng, chống dịch bệnh [H1-1.10-04];

phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-05]. Tuy nhiên, nhà trường chưa tổ chức cho đội ngũ được tập huấn, hướng dẫn thực hiện an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai.

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả [H1-1.1-03]; [H1-1.10-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng và triển khai các phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường, Trường có nhiều hình thức tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa xây dựng và tổ chức cho đội ngũ được tập huấn, hướng dẫn thực hiện phương án an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục duy trì hiệu quả công tác đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học; chỉ đạo phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng xây dựng phương án phòng, chống thảm họa thiên tai để triển khai và tổ chức tập huấn, hướng dẫn thực hiện phương án nhằm tăng cường công tác đảm bảo an toàn cho đội ngũ và học sinh tại đơn vị.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Điểm mạnh nổi bật

Trường Mầm non Hoa Mai 2, Quận 12 thực hiện tốt phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường, các kế hoạch, phương án đề ra trong năm học. Bộ máy tổ chức nhà trường hoạt động hiệu quả; công tác kiểm tra rà soát đánh giá; công tác quản lý hành chính, tài chính, tài sản, tài chính; công tác quản lý hoạt động giáo dục; việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở luôn đảm bảo. Nhà trường

thực hiện tốt việc đảm bảo an ninh trật tự, đảm bảo an toàn về sức khỏe, tinh thần cho trẻ và đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tại đơn vị.

Điểm yếu cơ bản

Nhà trường chưa xây dựng được kế hoạch dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường để đảm bảo thực thi hiệu quả các kế hoạch, dự án phát triển nhà trường, chương trình nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Nhà trường chưa có phương án và chưa tổ chức cho đội ngũ được tập huấn hướng dẫn thực hiện an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/10

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý giáo viên nhân viên

Mở đầu:

Nhà trường có đội ngũ quản lý, giáo viên, nhân viên đạt các yêu cầu theo quy định của Điều lệ trường mầm non, có năng lực quản lý, năng lực chuyên môn và luôn năng động trong công việc, có sự đoàn kết, thống nhất cao, được phân công nhiệm vụ rõ ràng và phối hợp hoàn thành nhiệm vụ được giao. Đội ngũ quản lý, giáo viên, nhân viên của trường được đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp và được đảm bảo các quyền lợi theo quy định của pháp luật.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng có trình độ chuyên môn đại học sư phạm mầm non, phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục có trình độ thạc sĩ khoa học giáo dục. Hiệu trưởng có thâm niên công tác trong ngành 41 năm, phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục có thâm niên công tác trong ngành 11 năm, phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng có thâm niên công tác trong ngành 20 năm. Hiệu trưởng và hai phó hiệu trưởng đã hoàn thành Chương trình bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục [H1-1.4-01]; [H1-1.4-02]; [H1-1.4-03]; có uy tín với lãnh đạo, đội ngũ giáo viên nhân viên trong nhà trường về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, năng lực tổ chức quản lý nhà trường, luôn đảm bảo sức khỏe tốt để làm việc [H1-1.1-03]; [H2-2.1-01].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, hiệu trưởng và hai phó hiệu trưởng đều được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên theo Thông tư 25/2018/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 10 năm 2018 do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về Chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non [H2-2.1-01].

Năm học	Đánh giá hiệu trưởng theo Chuẩn đánh giá hiệu trưởng trường mầm non			Đánh giá phó hiệu trưởng theo Chuẩn đánh giá hiệu trưởng trường mầm non		
	Tốt	Khá	Đạt	Tốt	Khá	Đạt
Năm học 2019-2020	01/01			02/02		
Năm học 2020-2021	01/01			02/02		
Năm học 2021-2022	01/01			02/02		

Năm học 2022-2023	01/01			02/02		
Năm học 2023-2024	01/01			02/02		

c) Hiệu trưởng và hai phó hiệu trưởng được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn: Bồi dưỡng thường xuyên, an toàn thực phẩm, sơ cấp cứu; được tập huấn công tác tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn Quốc gia đối với trường mầm non [H1-1.4-01]; [H1-1.4-02]; [H1-1.4-03].

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, hiệu trưởng và hai phó hiệu trưởng đều được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên theo Thông tư 25/2018/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 10 năm 2018 do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về Chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non [H2-2.1-01].

Năm học	Đánh giá hiệu trưởng theo Chuẩn đánh giá hiệu trưởng trường mầm non			Đánh giá phó hiệu trưởng theo Chuẩn đánh giá hiệu trưởng trường mầm non		
	Tốt	Khá	Đạt	Tốt	Khá	Đạt
Năm học 2019-2020	01/01			02/02		
Năm học 2020-2021	01/01			02/02		
Năm học 2021-2022	01/01			02/02		
Năm học 2022-2023	01/01			02/02		
Năm học 2023-2024	01/01			02/02		

b) Hiệu trưởng, hai phó hiệu trưởng tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng chính trị hệ; học tập các nghị quyết, chủ trương, đường lối chính sách của đảng và nhà nước; tập huấn về lý luận chính trị do ban Tuyên giáo Quận ủy tổ chức. Năm học 2019-2020, hai phó hiệu trưởng đã hoàn thành lớp trung cấp lý luận chính trị. Trong quá trình công tác, đội ngũ cán bộ quản lý luôn được giáo viên, nhân viên trong trường tin

nhiệm cao về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực trong quản lý [H1-1.1-03]; [H2-2.1-01].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, hiệu trưởng và hai phó hiệu trưởng đều được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt theo Thông tư 25/2018/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 10 năm 2018 do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về Chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non [H2-2.1-01]. Tuy nhiên, hiệu trưởng và hai phó hiệu trưởng còn hạn chế ở việc viết, trình bày đoạn văn đơn giản về hoạt động chuyên môn bằng tiếng anh.

Năm học	Đánh giá hiệu trưởng theo Chuẩn đánh giá hiệu trưởng trường mầm non			Đánh giá phó hiệu trưởng theo Chuẩn đánh giá hiệu trưởng trường mầm non		
	Tốt	Khá	Đạt	Tốt	Khá	Đạt
Năm học 2019-2020	01/01			02/02		
Năm học 2020-2021	01/01			02/02		
Năm học 2021-2022	01/01			02/02		
Năm học 2022-2023	01/01			02/02		
Năm học 2023-2024	01/01			02/02		

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng và hai phó hiệu trưởng nhà trường đạt về chuẩn trình độ đào tạo theo quy định, có năng lực quản lý, năng lực chuyên môn và luôn năng động trong công việc, được đánh giá chuẩn nghề nghiệp hàng năm đạt kết quả cao và luôn được giáo viên và nhân viên tín nhiệm. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng đều được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

3. Điểm yếu

Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng còn hạn chế ở việc viết, trình bày đoạn văn đơn giản về hoạt động chuyên môn bằng tiếng anh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo, cán bộ quản lý tiếp tục duy trì giữ vững phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, phát huy tốt năng lực trong quản lý và tổ chức các hoạt động của nhà trường; tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị và chuyên môn nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định; tham gia các lớp học ngoại ngữ để nâng cao khả năng sử dụng ngoại ngữ trao đổi, viết, trình bày bằng tiếng anh trong hoạt động chuyên môn. Hiệu trưởng tạo điều kiện cho phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng tham gia học lớp thạc sĩ quản lý giáo dục; thường xuyên chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm để nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý và chất lượng tổ chức hoạt động nhà trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

- a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;
- b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;
- c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

- a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có 43 giáo viên, đảm bảo đủ theo quy định tại Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT-BNV ngày 30 tháng 10 năm 2023 quy định về Danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục; phân bổ hợp lý tỷ lệ 2,2 giáo viên đối với lớp mẫu giáo; 2,5 giáo viên đối với nhóm nhà trẻ để đảm bảo cho đội ngũ thực hiện tốt Chương trình giáo dục mầm non [H1-1.4-04]; [H2-2.2-01].

b) Năm học 2024-2025, trường có 100% giáo viên đạt trình độ đào tạo chuẩn theo quy định Luật Giáo dục năm 2019: có 24 giáo viên trình độ Đại học sư phạm giáo dục mầm non, đạt tỷ lệ 55,81%; 15 giáo viên trình độ Cao đẳng sư phạm giáo dục mầm non, đạt tỷ lệ 34,88%; 04 giáo viên trình độ Trung cấp sư phạm giáo dục mầm non đạt tỷ lệ 9,30% và hiện tại đang theo học nâng chuẩn dự kiến đến năm 2028 kết thúc khóa đào tạo [H2-2.2-01]; [H2-2.2-02].

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên theo Thông tư 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non [H2-2.2-03].

Năm học	Tổng số	Kết quả đánh giá theo Chuẩn đánh giá nghề nghiệp giáo viên
---------	---------	--

	giáo viên	mầm non		
		Tốt	Khá	Đạt
Năm học 2019-2020	47	19/47	25/47	03/47
Năm học 2020-2021	48	27/48	21/48	0
Năm học 2021-2022	42	23/42	18/42	01/42
Năm học 2022-2023	46	26/46	20/46	0
Năm học 2023-2024	46	30/46	16/46	0

Mức 2:

a) Ngoài năm học 2021-2022, tình hình giáo viên có thay đổi nhiều do ảnh hưởng của dịch bệnh covid-19, tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và phát triển theo các năm, đã đạt trên 55% [H2-2.2-01]; [H2-2.2-04].

	Năm học 2020-2021 (Đại học)	Năm học 2021-2022 (Đại học)	Năm học 2022-2023 (Đại học)	Năm học 2023-2024 (Đại học)	Năm học 2024-2025 (Đại học)
Tỷ lệ % giáo viên đạt trình độ trên chuẩn đào tạo quy định	14/48 (29,17%)	12/42 (28,57%)	18/46 (39,13%)	20/46 (43,48%)	24/43 (55,81%)

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, trường có trên 93% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên [H2-2.2-03].

Năm học	Tổng số giáo viên	Kết quả đánh giá theo Chuẩn đánh giá nghề nghiệp giáo viên mầm non		
		Tốt	Khá	Đạt
Năm học 2019-2020	47	19/47	25/47	03/47
Năm học 2020-2021	48	27/48	21/48	0
Năm học 2021-2022	42	23/42	18/42	01/42
Năm học 2022-2023	46	26/46	20/46	0
Năm học 2023-2024	46	30/46	16/46	0

c) Tập thể giáo viên nhà trường luôn cố gắng thực hiện nghiêm túc nội quy, quy định của ngành, của đơn vị và nhiệm vụ được giao; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.1-03].

Mức 3:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và phát triển theo các năm, đã đạt trên 55% [H2-2.2-01]; [H2-2.2-04].

	Năm học 2020-2021 (Đại học)	Năm học 2021-2022 (Đại học)	Năm học 2022-2023 (Đại học)	Năm học 2023-2024 (Đại học)	Năm học 2024-2025 (Đại học)
Tỷ lệ % giáo viên đạt trình độ trên chuẩn đào tạo quy định	14/48 (29,17%)	12/42 (28,57%)	18/46 (39,13%)	20/46 (43,48%)	24/43 (55,81%)

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, trường có trên 93% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trên 50% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt [H2-2.2-03]:

Năm học	Tổng số giáo viên	Kết quả đánh giá theo Chuẩn đánh giá nghề nghiệp giáo viên mầm non		
		Tốt	Khá	Đạt
Năm học 2019-2020	47	19/47 (40,42%)	25/47	03/47
Năm học 2020-2021	48	27/48 (56,25%)	21/48	0
Năm học 2021-2022	42	23/42 (54,76%)	18/42	01/42
Năm học 2022-2023	46	26/46 (56,52%)	20/46	0
Năm học 2023-2024	46	30/46 (65,22%)	16/46	0

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đội ngũ giáo viên đảm bảo về số lượng và cơ cấu hợp lý để thực hiện tốt công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. 100% giáo viên đạt

trình độ chuẩn theo quy định. Số lượng giáo viên đạt trình độ trên chuẩn đào tạo được duy trì và có phát triển qua các năm. Đội ngũ giáo viên được đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên hằng năm đạt kết quả cao: trên 93% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trên 50% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; được phụ huynh tin yêu và không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên

3. Điểm yếu

Trường còn 04 giáo viên trình độ trung cấp sư phạm giáo dục mầm non đang theo học nâng chuẩn theo lộ trình kế hoạch.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục hỗ trợ kinh phí, động viên, tạo điều kiện về thời gian để 04 giáo viên trình độ trung cấp hoàn thành lớp đào tạo nâng trình độ chuẩn quy định, dự kiến đến năm 2028 sẽ hoàn thành khoá học; xây dựng kế hoạch lộ trình nâng trình độ đào tạo trên chuẩn (đại học sư phạm) cho 15 giáo viên đang có trình độ cao đẳng sư phạm; dự kiến năm học 2025-2026 có 07 giáo viên đăng ký học nâng cao, năm học 2027-2028 có 08 giáo viên đăng ký tham gia lớp học. Hiệu trưởng chỉ đạo bộ phận chuyên môn theo dõi sâu sát nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, phát triển năng lực giáo viên mầm non trong giai đoạn chuyển đổi số giáo dục. Giáo viên tự rà soát các hạn chế, tồn tại theo nội dung, tiêu chí đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, xây dựng cụ thể kế hoạch, giải pháp, cách thức khắc phục các hạn chế, tồn tại ở các nội dung, tiêu chí theo chuẩn đánh giá nghề nghiệp giáo viên mầm non.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

- a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;*
- b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;*
- c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.*

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Năm học 2024-2025, nhà trường có 20 nhân viên: 01 nhân viên kế toán, 01 nhân viên y tế; 01 nhân viên văn thư; 03 nhân viên bảo vệ; 10 nhân viên nấu ăn, 03 nhân viên phục vụ, 01 nhân viên phụ trách cơ sở vật chất, đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công và đảm bảo đúng định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non theo quy định tại Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2023 [H2-2.2-04]; [H1-1.4-04].

b) Vào đầu năm học, hiệu trưởng có phân công công việc cho nhân viên phù hợp với chứng chỉ chuyên môn nghiệp vụ và năng lực thực tế của mỗi người [H1-1.4-04]; [H2-2.2-04].

c) Hằng năm, nhân viên nhà trường đều hoàn thành các nhiệm vụ và được đánh giá xếp loại theo tháng, học kỳ, cuối năm học nhà trường có đánh giá xếp loại 100% nhân viên đều đạt từ khá trở lên [H2-2.3-01].

Mức 2:

a) Nhà trường có 20 nhân viên, đảm bảo đủ theo quy định của Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT, ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non [H2-2.2-04]; [H2-2.3-02].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, trường không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.1-03].

Mức 3:

a) Nhân viên trong nhà trường có trình độ đào tạo đáp ứng các vị trí việc làm: 01 nhân viên kế toán có bằng đại học tài chính kế toán, 01 nhân viên y tế có bằng trung cấp y tế, 10 nhân viên nấu ăn có chứng chỉ nghiệp vụ nấu ăn; 01 nhân viên văn thư có bằng đại học công nghệ thông tin và có chứng chỉ nghiệp vụ văn thư lưu trữ; 01 nhân viên phụ trách cơ sở vật chất có bằng trung cấp kỹ thuật, 03 nhân viên bảo vệ có chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ [H2-2.2-04]; [H2-2.3-02].

b) Hằng năm, bộ phận nhân viên được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm: tập huấn công tác văn thư lưu trữ, tập huấn vệ sinh an toàn thực phẩm, tập huấn sơ cấp cứu, tập huấn mắt học đường, tập huấn truyền thông giáo dục sức khỏe [H1-1.1-01]; [H1-1.1-03]; [H2-2.2-04]. Tuy nhiên, hằng năm nhà trường chưa phân phối thời gian để cho nhân viên bảo vệ tham gia lớp bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ số lượng nhân viên đáp ứng nhu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được hiệu trưởng phân công phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ và năng lực cá nhân; luôn hoàn thành công việc được giao và không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa phân phối thời gian để cho 03 nhân viên bảo vệ tham gia lớp bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo, nhà trường lập kế hoạch và tạo điều kiện, hỗ trợ kinh phí, thời gian cho nhân viên bảo vệ tham gia các lớp nâng cao nghiệp vụ bảo vệ do Công an Quận 12 và các Trung tâm đào tạo nghiệp vụ bảo vệ tổ chức để nhân viên làm tốt hơn nhiệm vụ được phân công tại đơn vị. Bên cạnh đó, đội ngũ quản lý tăng cường công tác kiểm tra, kịp thời chấn chỉnh khi đội ngũ nhân viên không hoàn thành công việc, đồng thời khen thưởng những cá nhân có sáng kiến hay, hoàn thành tốt công việc được giao.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Kết luận về tiêu chuẩn 2:

Điểm mạnh nổi bật

Hiệu trưởng, hai phó hiệu trưởng, giáo viên có trình độ chuyên môn được cơ cấu đủ số lượng, đảm bảo thực hiện tốt việc tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Hằng năm được đánh giá chuẩn nghề nghiệp từ loại khá trở lên.

Số lượng nhân viên của nhà trường đủ theo quy định, các nhân viên khác được tham gia học bồi dưỡng qua các lớp chuyên môn, nghiệp vụ theo đề án vị trí việc làm.

Điểm yếu cơ bản

Còn 04 giáo viên hiện đang thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn chuyên môn. Hằng năm, nhà trường chưa phân phối thời gian để cho 03 nhân viên bảo vệ tham gia lớp bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 03/03

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/03

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Nhà trường có khuôn viên, sân trường, các lớp học dành cho nhóm nhà trẻ và lớp mẫu giáo, phòng chức năng, phòng hành chính quản trị, khu vực nhà bếp, nhà vệ sinh cho trẻ, nhà vệ sinh cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, hệ thống cấp thoát nước đảm bảo diện tích và quy cách xây dựng theo quy định. Cơ sở vật chất luôn được đầu tư bổ sung theo quy định. Quang cảnh xanh-sạch-đẹp cách biệt với khu vực bên ngoài đảm bảo an toàn cho trẻ và giúp trẻ tích cực tham gia các hoạt động học tập, vui chơi phát triển kỹ năng nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn

Mức 1:

a) Diện tích khu đất xây dựng hoặc diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định;

b) Có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ;

c) Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi-cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng.

Mức 2:

a) Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định;

b) Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài; có sân chơi của nhóm, lớp; có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập;

c) Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định; có rào chắn an toàn ngăn cách với ao, hồ (nếu có).

Mức 3:

Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có diện tích đất là 5.300 m². Số lượng trẻ toàn trường là 431 trẻ, bình quân 12,30 m²/trẻ; đảm bảo diện tích đất trên mỗi trẻ theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học [H3-3.1-01].

b) Trường Mầm non Hoa Mai 2 có bảng tên trường đặt trước cổng chính đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường trường mầm non, có tường gạch kiên cố cao 2,20 m bao quanh toàn bộ khuôn viên. Khuôn viên trường luôn được vệ sinh sạch

sẽ, có nhiều cây xanh bố trí phù hợp cảnh quan tạo môi trường không gian thoáng mát, hài hòa, thân thiện và an toàn cho trẻ [H3-3.1-02].

c) Các lớp học đều có sân trước và hiên sau với diện tích đảm bảo thuận tiện giáo viên tổ chức cho trẻ hoạt động vui chơi, giờ trẻ ăn uống [H3-3.1-01]. Bên cạnh đó, nhà trường có 06 khu vực sân chơi: khu sân chơi chung, chơi cát, nước; sân chơi phát triển tư duy; sân chơi dành cho trẻ nhà trẻ; sân chơi vận động [H3-3.1-03]. Ngoài ra, nhà trường có khu vực vườn rau, vườn hoa tạo điều kiện cho trẻ tham gia học tập khám phá thiên nhiên; sân chơi trong nhà trường được lát thảm cỏ, có nhiều cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng [H3-3.1-03].

Mức 2:

a) Trường Mầm non Hoa Mai 2, có công trình xây dựng là 1.800 m², diện tích sân vườn, cây xanh và lối đi nội bộ là 3.500 m² đáp ứng đủ yêu cầu theo quy định theo thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 [H3-3.1-01].

b) Khuôn viên trường có tường gạch kiên cố với chiều cao 2,20 m bao quanh toàn bộ khuôn viên nhà trường, đảm bảo ngăn cách với các khu vực bên ngoài [H3-3.1-03]. Có khu sân chơi dành riêng cho nhà trẻ gần sát khu vực lớp học; khu sân chơi dành cho trẻ mẫu giáo; khu sân chơi vận động; khu sân chơi phát triển tư duy. Các khu vực sân chơi được bố trí phù hợp, có ánh nắng tự nhiên và có nhiều bóng mát từ cây xanh trong trường giúp trẻ được hoạt động thuận lợi [H3-3.1-03]. Sân trường có nhiều cây xanh được bộ phận bảo vệ chăm sóc, cắt tỉa thường xuyên tạo vẻ mỹ quan cho sân trường. Nhà trường có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, được trồng nhiều loại cây, loại rau, loại hoa tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập [H3-3.1-03].

c) Khu vực trẻ chơi ngoài trời được bố trí nhiều thiết bị, đồ chơi đáp ứng cho trẻ theo thông tư số 32/2012/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 09 năm 2012 về việc ban hành danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non; sân chơi được lát gạch, phủ thảm cỏ đảm bảo an toàn cho trẻ khi tham gia hoạt động vui chơi; các thiết bị, đồ chơi ngoài trời đa dạng về kích thước, đa dạng về cách chơi và được bố trí phù hợp với lứa tuổi [H3-3.1-03]; [H3-3.1-04]. Các khu vực chơi đều được ngăn

cách an toàn với khu để xe của giáo viên nhân viên, khu vực nhà bếp [H3-3.1-03]. Khu vực sân vườn, thảm cỏ được nhân viên vệ sinh hàng tuần nhằm đảm bảo sạch sẽ và an toàn cho trẻ hoạt động vui chơi ngoài trời [H3-3.1-03].

Mức 3:

Nhà trường có bố trí khu vực riêng để cho trẻ thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo danh mục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành: cầu thăng bằng, bộ đồ chơi liên hoàn, cổng chui, thang leo, bóng nhún, xích đu treo, cầu thăng bằng cố định, cầu thăng bằng di động, bánh xe, xe đạp... ngoài ra nhà trường còn bổ sung thêm các thiết bị đồ chơi ngoài danh mục phù hợp với thực tế để trẻ mẫu giáo tăng cường vận động. Tất cả các đồ chơi luôn được nhà trường kiểm tra thường xuyên, sửa chữa và loại bỏ những vật dụng, đồ chơi không an toàn cho trẻ trong quá trình chơi. Tuy nhiên, khu vui chơi khối nhà trẻ chưa có nhiều đồ chơi tăng cường sự vận động cho trẻ [H3-3.1-03]; [H3-3.1-04]; [H3-3.5-02]; [H3-3.5-04].

2. Điểm mạnh

Trường có diện tích đất xây dựng bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định. Các khối công trình được xây dựng kiên cố, đúng quy cách, rộng rãi, thoáng mát. Khuôn viên trường được bao quanh bằng tường rào chắc chắn, phù hợp cảnh quan, đảm bảo vệ sinh, an toàn cho trẻ. Sân chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định, đảm bảo an toàn, đáp ứng tốt nhu cầu vui chơi, giáo dục phát triển vận động cho trẻ; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập.

3. Điểm yếu:

Khu vui chơi khối nhà trẻ chưa có nhiều đồ chơi tăng cường sự vận động cho trẻ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục sử dụng hiệu quả sân chơi cho trẻ hoạt động. Hiệu trưởng lập kế hoạch phối hợp với Ban đại diện Cha mẹ học sinh mua sắm bổ sung các thiết bị đồ chơi vận động ngoài trời cho khu vui chơi nhóm nhà trẻ và các khu vực chơi khác để tăng cường khả năng vận động cho trẻ với kinh phí dự trù

168.000.000 đồng; thời gian thực hiện 02 đợt: đợt 01 thực hiện vào tháng 6 năm 2025, đợt 02 thực hiện vào tháng 3 năm 2026.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập

Mức 1:

a) Số phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với số nhóm lớp theo độ tuổi;

b) Có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ (có thể dùng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ đối với lớp mẫu giáo); có phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

c) Có hệ thống đèn, hệ thống quạt (ở nơi có điện); có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

Mức 2:

a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định

b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.

Mức 3:

Có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có 20 phòng học được dùng để tổ chức các lớp học phù hợp với số nhóm, lớp theo độ tuổi: 03 nhóm nhà trẻ, 04 lớp mẫu giáo 3-4 tuổi, 05 lớp mẫu giáo 4-5 tuổi và 06 lớp mẫu giáo 5-6 tuổi [H3-3.2-01]; [H1-1.5-02].

b) Trường có 20 phòng sinh hoạt chung dùng làm nơi sinh hoạt học tập, vui chơi, ăn và ngủ cho trẻ; có 01 phòng giáo dục nghệ thuật; 01 phòng để tổ chức cho trẻ làm quen ngoại ngữ; 01 phòng cho trẻ làm quen tin học; 01 phòng đa chức

năng; 01 phòng học âm nhạc (học đàn); 01 khu vực giáo dục thể chất được bố trí tại sảnh đáp ứng nhu cầu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02]; [H3-3.2-03]; [H3-3.2-04]; [H3-3.2-05]; [H3-3.2-06]; [H3-3.2-07].

c) Nhà trường có trang bị đầy đủ hệ thống đèn, hệ thống quạt ở tất cả các lớp và phòng chức năng; trung bình một lớp có 14 bóng đèn, 06 quạt treo tường và 01 máy lạnh; ngoài ra, lớp học, phòng chức năng đều có cửa chính, cửa sau và nhiều cửa sổ đảm bảo ánh sáng tự nhiên, sự thông thoáng trong phòng học [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02]; [H3-3.2-03]; tất cả các phòng đều được trang bị đủ đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị dạy học theo quy định theo văn bản hợp nhất 01/VBHN-BGDĐT ngày 23 tháng 03 năm 2015 về Danh mục đồ dùng đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non; và nhiều đồ chơi trang thiết bị ngoài danh mục mang tính hiện đại phục vụ tốt cho hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H1-1.6-02]; [H1-1.6-04].

Mức 2:

a) Nhà trường có 20 phòng sinh hoạt chung với diện tích mỗi phòng là 68 m², bình quân 3,15 m²/trẻ; 01 phòng giáo dục nghệ thuật có diện tích 60 m²; 01 phòng đa chức năng có diện tích 60 m²; 01 khu vực cho trẻ hoạt động thể chất với diện tích 60m² đảm bảo đạt chuẩn theo quy định [H3-3.1-01].

b) Các phòng lớp học và phòng chức năng phục vụ học tập có hệ thống tủ, kệ, giá để đồ dùng, đồ chơi, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định và được sắp xếp hợp lý, an toàn và thuận tiện khi sử dụng [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02]; [H3-3.2-03]; [H3-3.2-06].

Mức 3:

Trường có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc (học đàn). Tuy nhiên, đôi lúc trục trặc về đường truyền kết nối phần mềm nên làm ảnh hưởng đến tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen tin học trên máy tính [H3-3.2-04]; [H3-3.2-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các phòng sinh hoạt chung tương ứng với số nhóm, lớp; có phòng chức năng, khu vực hoạt động phát triển thể chất và phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc. Tất cả các phòng học, hoạt động đều có đủ ánh sáng, thoáng mát, đảm bảo đạt chuẩn theo quy định; được trang bị đầy đủ đồ dùng, thiết bị và được bố trí sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện đảm bảo các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu

Phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học đôi lúc trực trực về đường truyền kết nối phần mềm nên làm ảnh hưởng đến tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen tin học trên máy tính.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì các phòng lớp học, phòng chức năng đảm bảo sạch sẽ, an toàn, có đủ trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi phục vụ cho từng phòng, lớp theo quy định. Hiệu trưởng chỉ đạo bộ phận văn phòng khảo sát, nắm bắt yêu cầu thực tế, liên hệ đơn vị đối tác để nâng cấp chất lượng đường truyền kết nối và phần mềm ứng dụng trong dạy học để nâng cao hiệu quả hoạt động tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học, dự kiến hoàn thành trong tháng 12 năm 2024; lập kế hoạch, dự trù kinh phí nâng cấp, mua sắm bổ sung thiết bị dạy học, đồ dùng cho các phòng chức năng phục vụ học tập đảm bảo các điều kiện tổ chức hiệu quả các hoạt động dạy học cho trẻ: máy tính, máy tính, phần mềm học và chơi cho trẻ mầm non; kinh phí dự kiến 200.000.000 đồng, hoàn thành vào tháng 9 năm 2026.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính-quản trị

Mức 1:

- a) Có các loại phòng theo quy định;
- b) Có trang thiết bị tối thiểu tại các phòng;
- c) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý đảm bảo an toàn, trật tự.

Mức 2:

a) Đảm bảo diện tích theo quy định;

b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi.

Mức 3:

Có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có khối phòng hành chính quản trị: 01 phòng hiệu trưởng; 02 phòng phó hiệu trưởng; 01 phòng hành chính quản trị; 01 phòng y tế; 01 phòng nhân viên; 01 phòng thường trực bảo vệ; 01 hội trường để tổ chức các hoạt động chung và là nơi giáo viên hội họp [H3-3.1-01]; [H3-3.3-01]; [H3-3.3-02].

b) Khối phòng hành chính quản trị được trang bị đầy đủ các trang thiết bị đảm bảo yêu cầu cho từng vị trí công việc: máy vi tính, máy in, bảng biểu, bàn ghế, bàn tiếp khách, bàn họp, tủ để tài liệu. Phòng y tế trang bị: giường y tế, tủ thuốc y tế, cân đo sức khỏe, đèn pin, dụng cụ sơ cứu [H1-1.6-02]; [H3-3.3-01]; [H3-3.3-02].

c) Nhà trường có khu để xe riêng cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý, có cổng rào chắc chắn ngăn cách nhà xe với lối đi nội bộ, được kẻ vạch đảm bảo an toàn, thuận tiện cho đội ngũ để xe [H3-3.3-03].

Mức 2:

a) Nhà trường có phòng hiệu trưởng diện tích 32 m², 02 phòng phó hiệu trưởng tổng diện tích 42 m², phòng hành chính quản trị diện tích 35 m², phòng y tế diện tích 21,5 m², phòng bảo vệ diện tích 12 m², phòng nhân viên 42 m², phòng hội trường diện tích 90 m² [H3-3.1-01]; [H3-3.3-01]; [H3-3.3-02].

b) Khu vực nhà xe có diện tích 90 m², có mái che bằng tôn đảm bảo cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên để xe tại khu vực này an toàn và tiện lợi [H3-3.1-01]; [H3-3.3-03].

Mức 3:

Nhà trường có đủ các phòng, đảm bảo theo thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 về tiêu chuẩn cơ sở vật chất trường mầm non: phòng hiệu trưởng được đặt tại khu vực sân trước thuận tiện cho công tác quản lý; phòng phó hiệu trưởng đặt tại khu vực gần lớp học đảm bảo công tác quản lý chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ; phòng hành chính quản trị-văn phòng bố trí hợp lý cho việc phụ huynh đóng tiền và liên hệ công tác; phòng thường trực bảo vệ đặt tại cổng chính để bảo vệ quan sát, đảm bảo an ninh trật tự và quản lý tài sản trong nhà trường; phòng y tế được bố trí ở tầng trệt thích hợp cho công tác sơ cấp cứu cho trẻ; phòng hội trường là nơi tổ chức các hoạt động chung của nhà trường và là nơi giáo viên hội họp, sinh hoạt chuyên môn. Tuy nhiên phòng hội trường còn bố trí xa với khối phòng hành chính quản trị, nên chưa thuận tiện cho quản lí, giáo viên, nhân viên tập trung hội họp [H3-3.1-01]; [H3-3.3-01].

2. Điểm mạnh

Trường có đủ các phòng hành chính quản trị, có đầy đủ các trang thiết bị, phương tiện làm việc theo quy định và được sắp xếp hợp lý, gọn gàng, thuận tiện, đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ công tác.

3. Điểm yếu

Phòng hội trường còn bố trí xa với khối phòng hành chính quản trị, nên chưa thuận tiện cho quản lí, giáo viên, nhân viên tập trung hội họp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm 2024-2025 và những năm học tiếp theo, hiệu trưởng sẽ tổ chức khảo sát thực tế, lựa chọn địa điểm phù hợp để làm phòng giáo viên nhằm tạo sự thuận tiện cho cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên tham gia hội họp (dự kiến thực hiện và hoàn thành vào tháng 8 năm 2025); chỉ đạo kế toán lập dự trù kinh phí 50.000.000 đồng để nâng cấp máy vi tính,, mua sắm bổ sung trang thiết bị, đồ dùng phù hợp để đảm bảo đủ phương tiện, thiết bị cho cán bộ quản lí, nhân viên khối phòng hành chính quản trị thực hiện nhiệm vụ thuận lợi, đạt hiệu quả.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn

Mức 1:

- a) Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố;
- b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm;
- c) Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn.

Mức 2:

Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.

Mức 3:

Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường Mầm non Hoa Mai 2 có bếp ăn được xây dựng kiên cố đáp ứng đủ yêu cầu để chế biến thức ăn cho trẻ theo quy định, đảm bảo an toàn thực phẩm [H3-3.1-01]; [H3-3.4-01].

b) Nhà trường có kho thực phẩm với diện tích 10 m² được bố trí trong khu vực nhà bếp thuận tiện cho nhân viên chế biến món ăn và đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm. Kho thực phẩm có kệ cách mặt đất 25 cm để các loại thực phẩm. Trong kho thực phẩm có phân chia khu vực cho từng loại thực phẩm, có bảng kê kho để theo dõi thực phẩm nhập, xuất, tồn kho [H3-3.1-01]; [H3-3.4-02].

c) Nhà trường có trang bị 04 tủ lạnh riêng biệt để lưu mẫu, bảo quản thức ăn hằng ngày của trẻ, đảm bảo đúng quy trình lưu mẫu theo Quyết định 1246/QĐ-BYT ngày 31 tháng 3 năm 2017 về chế độ hướng dẫn kiểm thực 03 bước và quy định lưu mẫu thức ăn đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống [H3-3.4-01]; [H3-3.4-03].

Mức 2:

Bếp ăn của nhà trường có diện tích 182 m² [H3-3.1-01]; được thiết kế và tổ chức theo dây chuyền hoạt động một chiều, có khu vực: khu tiếp phẩm, khu sơ chế,

khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn và khu rửa dụng cụ nhà bếp [H3-3.4-01]. Ngoài ra bếp ăn còn có các bảng biểu: bảng tiếp phẩm, bảng phân lượng thực phẩm sống, bảng phân chia thành phẩm, bảng nội qui, bảng phân công cấp dưỡng [H3-3.4-01]. Bếp ăn được trang bị đầy đủ đồ dùng bằng inox và nhựa melamine cao cấp để phục vụ cho cho trẻ ăn bán trú tại trường; có đủ dụng cụ chế biến thực phẩm: dao thớt sống - dao thớt chín, thau, rổ, tủ đựng chén, tủ hấp chén, tủ lạnh... đúng theo quy định [H1-1.6-02]; [H1-1.10-06]; [H3-3.4-01]. Nhà trường sử dụng nước của Công ty nước Trung An để chế biến món ăn cho trẻ và được xét nghiệm hàng năm [H3-3.4-04]; [H3-3.4-05]. Hằng năm, bếp ăn đều được kiểm tra về phòng cháy chữa cháy, đội ngũ được tập huấn và được trang bị đồ dùng bảo hộ lao động [H1-1.7-04]. Khu vực để gas được thiết kế trong khu riêng biệt, có thiết bị kiểm tra rò rỉ gas tự động và được kiểm tra hàng tháng [H1-1.7-04]; [H3-3.4-06]. Nhà trường có hợp đồng với cơ sở xử lý rác của phường Tân Thới Hiệp đảm bảo công tác xử lý hằng ngày rác trong nhà bếp được vệ sinh ngay sau khi thực hiện, có phân loại chất thải tại nguồn [H3-3.4-04]; [H3-3.4-07]; [H3-3.6-04].

Mức 3:

Bếp ăn của nhà trường đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 3907:2011 yêu cầu thiết kế trường mầm non [H3-3.1-01]. Bếp ăn độc lập với khối phòng học và sân chơi với diện tích bình quân 0,42 m²/trẻ, đảm bảo đạt theo quy định [H3-3.1-01]; tổ chức hoạt động theo quy trình một chiều hợp vệ sinh; khu sơ chế và chế biến thực phẩm đủ ánh sáng, thông thoáng, có vách ngăn tại các bồn rửa thực phẩm, có đèn bắt côn trùng ngăn cách với khu vực nấu ăn, phân chia thức ăn, khu vực rửa chén; khu chia thức ăn có cửa mở trực tiếp với hành lang dẫn đến các lớp học, có trang bị tủ hấp chén để đảm bảo vệ sinh tiệt trùng. Tuy nhiên, bếp ăn chưa bố trí khu vực pha sữa sáng riêng [H3-3.4-01].

2. Điểm mạnh

Trường có bếp ăn đảm bảo diện tích cho mỗi trẻ theo quy định, được thiết kế và tổ chức theo dây chuyền hoạt động bếp một chiều; có đầy đủ đồ dùng trang thiết

bị, có đủ nước sạch và xử lý các chất thải đúng theo quy định, đảm bảo phòng chống cháy nổ, đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh, an toàn thực phẩm.

3. Điểm yếu

Bếp ăn chưa bố trí khu vực pha sữa sáng riêng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo, hiệu trưởng chỉ đạo bộ phận chăm sóc nuôi dưỡng tiếp tục bảo quản, khai thác sử dụng hiệu quả điều kiện cơ sở vật chất sẵn có đảm bảo phục vụ tốt hoạt động nuôi dưỡng cho trẻ; duy trì thực hiện tốt quy trình bếp một chiều đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm; thường xuyên kiểm tra để sửa chữa, loại bỏ các thiết bị, đồ dùng không đảm bảo an toàn trong chăm sóc nuôi dưỡng trẻ; xây dựng lịch phân công thực hiện vệ sinh hàng tuần, hàng tháng để đảm bảo cho khu vực nhà bếp luôn sạch sẽ, đảm bảo bếp ăn hợp vệ sinh an toàn thực phẩm.

Hiệu trưởng tổ chức rà soát, chỉ đạo sắp xếp bố trí khu vực pha sữa riêng phù hợp, thuận tiện, an toàn; lập kế hoạch, lộ trình, dự trù kinh phí thực hiện mua sắm bổ sung máy móc, thiết bị nhà bếp hiện đại để tăng năng suất và giảm tải sức lao động cho nhân viên nấu ăn; dự kiến mua sắm 02 đợt (đợt 01 vào tháng 9 năm 2025, đợt 02 vào tháng 9 năm 2027), kinh phí dự trù 100.000.000 đồng.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi

Mức 1:

a) Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ;

c) Hàng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường trang bị đủ các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em quy định theo văn bản hợp nhất 01/VBHN-BGDĐT, ngày 23 tháng 3 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Danh mục đồ dùng đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non [H1-1.6-02]; [H3-3.1-04].

b) Hằng năm, nhà trường có kế hoạch mua sắm các đồ dùng, đồ chơi ngoài danh mục để tổ chức các hội thi như hội thi an toàn giao thông. Giáo viên các lớp có tự làm nhiều đồ dùng, đồ chơi phù hợp với từng độ tuổi, đảm bảo tính giáo dục, an toàn nhằm phục vụ nhu cầu vui chơi của trẻ trong lớp và ngoài trời [H3-3.5-01].

c) Nhà trường có kế hoạch phân công tổ trưởng chuyên môn, nhân viên phục vụ, bảo vệ kiểm kê các thiết bị đồ dùng, đồ chơi hằng tuần, hằng tháng, hằng năm [H3-3.5-03]. Yêu cầu đội ngũ thực hiện sổ báo hư tài sản, đồ dùng đồ chơi để quản lý phân công nhân viên hoặc cơ sở bên ngoài sửa chữa kịp thời nhằm đảm bảo an toàn cho trẻ [H3-3.5-02].

Mức 2:

a) Nhà trường đã trang bị 20 máy tính cho các lớp học trong đó: 14 máy tính để bàn; 06 máy tính laptop [H1-1.6-03]; [H1-1.6-04]. Các máy tính trong nhà trường đều được kết nối mạng Internet tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên truy cập để sưu tầm những trò chơi, hình ảnh, tài liệu hỗ trợ trong công tác giảng dạy [H3-3.4-04]. Máy tính của giáo viên được nối mạng nội bộ với máy tính của cán bộ quản lý đem lại hiệu quả trong việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non [H1-1.6-02].

b) Nhà trường trang bị đủ các thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ cho công tác giáo dục 431 trẻ quy định theo văn bản hợp nhất 01/VBHN-BGDĐT, ngày 23 tháng 3 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Danh mục đồ dùng đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non [H1-1.6-02]; [H1-1.6-04].

c) Hằng năm, nhà trường có kế hoạch mua sắm, bổ sung các thiết bị dạy học trong danh mục, ngoài danh mục, tổ chức hội thi làm đồ dùng, đồ chơi để phục vụ cho công tác giảng dạy trong nhà trường [H1-1.6-02]; [H3-3.5-04].

Mức 3:

Hằng năm, các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm, thiết bị dạy học ngoài danh mục quy định của giáo viên luôn được bộ phận chuyên môn kiểm tra đánh giá, chọn lựa và đưa vào giảng dạy những trang thiết bị có tính khả thi [H1-1.1-03]. Đội ngũ giáo viên thường xuyên sử dụng và khai thác hiệu quả các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đã được chọn lựa giúp trẻ tích cực tham gia hoạt động, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ tại đơn vị [H3-3.5-04]; [H1-1.1-03]. Tuy nhiên, máy tính tại lớp kết nối mạng internet, mạng nội bộ để hỗ trợ cho công tác giảng dạy của giáo viên còn nhiều hạn chế. Đồ dùng, đồ chơi ngoài danh mục, đồ chơi tự làm chưa phong phú đáp ứng nhu cầu hoạt động và phát triển của trẻ.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ các thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi trong danh mục và ngoài danh mục quy định. Giáo viên có tự làm thêm nhiều thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi sáng tạo. Các máy tính được kết nối mạng Internet, mạng nội bộ, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý, tổ chức hoạt động giáo dục. Trường thực hiện tốt công tác kiểm tra, kiểm kê tài sản, thiết bị, đồ dùng; có kế hoạch bảo quản, sửa chữa, thay thế, bổ sung, nâng cấp thiết bị, đồ dùng, đồ chơi để đáp ứng yêu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu

Máy tính tại lớp kết nối mạng Internet, mạng nội bộ để hỗ trợ cho công tác giảng dạy của giáo viên còn nhiều hạn chế. Đồ dùng, đồ chơi ngoài danh mục, đồ chơi tự làm chưa phong phú đáp ứng nhu cầu hoạt động và phát triển của trẻ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch, lộ trình (đợt 01: vào tháng 09 năm 2025; đợt 02 vào tháng 09 năm 2026), dự trù kinh phí 150.000.000 đồng để thay mới máy vi tính có cấu hình thấp của các lớp, nâng cấp dung lượng đường truyền internet nhằm hỗ trợ giáo viên trong công tác giảng dạy đạt hiệu quả tốt hơn; lập kế hoạch dự trù kinh phí 120.000.000 đồng để mua sắm bổ sung trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi phục vụ cho công tác giảng dạy, đồ dùng đồ chơi ngoài danh mục; dự kiến thực hiện vào tháng 09 năm 2027.

Hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục thường xuyên kiểm tra, loại bỏ những đồ dùng đồ chơi, trang thiết bị không an toàn đối với trẻ; tổ chức cho giáo viên tham quan học tập tại trường bạn; bồi dưỡng, hướng dẫn cho giáo viên kỹ năng thực hành làm đồ chơi bằng nguyên vật liệu mở; nghiên cứu tài liệu chuyên môn để có thêm ý tưởng hay trong việc tạo ra đồ chơi phục vụ cho công tác giảng dạy; đề ra các tiêu chí cụ thể về đảm bảo an toàn, độ bền cao, phù hợp độ tuổi đối với thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm; khen thưởng những cá nhân bảo quản tốt đồ dùng, đồ chơi, có nhiều ý tưởng sáng tạo để làm ra đồ chơi tự tạo đáp ứng tốt yêu cầu đổi mới, nâng cao chất lượng giảng dạy, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) *Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật;*

b) *Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ;*

c) *Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.*

Mức 2:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định

b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng*Mức 1:*

a) Các lớp học của trẻ, phòng chức năng đều có nhà vệ sinh riêng thuận tiện cho trẻ sinh hoạt, được trang bị đầy đủ các trang thiết bị vệ sinh với kích thước và chiều cao phù hợp với độ tuổi [H3-3.6-01]. Các bồn tiểu, bệ xí đều có vách ngăn để ngăn cách, phân biệt nam và nữ. Ngoài ra, nhà trường còn có thêm 03 nhà vệ sinh dành cho quản lý, giáo viên, nhân viên. Các nhà vệ sinh trong nhà trường luôn sạch sẽ, khô thoáng, không ô nhiễm môi trường [H3-3.1-01]; [H3-3.6-01]. Nhà trường không có trẻ khuyết tật nên không có phòng vệ sinh dành riêng cho trẻ khuyết tật.

b) Hệ thống thoát nước của nhà trường được thiết kế phù hợp, đảm bảo vệ sinh môi trường, được kiểm tra thường xuyên theo định kỳ không để tình trạng ứ đọng và có mùi hôi [H3-3.6-02]. Nhà trường sử dụng nước máy của Công ty cấp nước Trung An để cho trẻ, giáo viên, nhân viên sinh hoạt hàng ngày. Nước máy được kiểm tra xét nghiệm hàng năm đảm bảo theo quy định [H3-3.4-05]. Trường có hợp đồng với công ty nước khoáng Lavie để cung cấp nước uống cho trẻ hàng ngày [H3-3.4-04].

c) Nhà trường có nhà để rác riêng bố trí xa khu vực lớp học và khu vực nhà bếp. Các lớp học đều có thùng rác tạm thời được bố trí ở khu vực nhà vệ sinh của trẻ. Rác thải trong nhà trường và ở các lớp học đều được phân loại theo quy định: rác vô cơ, rác hữu cơ. Tất cả thùng rác đều có nắp đậy đảm bảo vệ sinh môi trường [H3-3.6-03]. Nhà trường có hợp đồng với cơ sở thu gom rác phường Tân Thới Hiệp để xử lý chất thải hàng ngày, không để rác thải, nước thải tồn đọng gây ô nhiễm trong khu vực để rác [H3-3.4-04]. Đối với rác y tế nhà trường có thực hiện

quy chế phối hợp với y tế phường Tân thới Hiệp để xử lý rác y tế tại đơn vị [H3-3.6-04].

Mức 2:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ được xây dựng liền kề với phòng sinh hoạt chung, thuận tiện cho việc sử dụng và giúp giáo viên dễ quan sát trẻ; nhà vệ sinh được trang bị đầy đủ các thiết bị vệ sinh phù hợp với lứa tuổi: lứa tuổi nhà trẻ có ghế ngồi bô, máng tiểu, bệ xí, khu vệ sinh, bồn rửa tay; lứa tuổi mẫu giáo có bồn rửa tay, bồn tiểu nam, bệ xí, khu vực vệ sinh cho trẻ [H3-3.6-01]. Khu nhà vệ sinh cho quản lí, giáo viên, nhân viên được bố trí phù hợp ở các khu vực trong nhà trường tạo sự thuận tiện trong sinh hoạt [H3-3.1-01]. Tuy nhiên, nhà vệ sinh của trẻ chưa có các thiết bị, đồ dùng vệ sinh hiện đại, thuận tiện cho trẻ trong sinh hoạt.

b) Nhà trường sử dụng nước máy của công ty nước Trung An để cho trẻ, giáo viên, nhân viên sử dụng trong sinh hoạt [H3-3.4-04]. Hàng năm, nhà trường có tiến hành kiểm tra xét nghiệm nước máy tại công ty trách nhiệm hữu hạn khoa học công nghệ và phân tích môi trường Phương Nam với kết quả cho thấy hệ thống cung cấp nước sạch trong nhà trường đáp ứng quy định [H3-3.4-05]. Nước uống của trẻ được cung cấp từ công ty nước khoáng Lavie, hệ thống nước của công ty được cơ quan chức năng công nhận hệ thống nước đạt chuẩn theo quy định của Bộ y tế [H3-3.4-04]. Nhà trường có hệ thống thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, nước thải nhà bếp, nước thải nhà vệ sinh đảm bảo thoát nước tốt, không ứ đọng nước gây ô nhiễm môi trường; có hợp đồng với cơ sở thu gom rác phường Tân Thới Hiệp để thu gom, xử lý chất thải, rác thải hàng ngày. Hàng ngày rác được tập trung tại khu vực quy định, có mái che, được vệ sinh xử lý hàng ngày, không để rác thải, nước thải tồn đọng gây ô nhiễm môi trường, đảm bảo theo quy định tại khoản 3, Điều 5 tại Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BGDĐT-BYT ngày 15/5/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế Quy định về công tác y tế trường học [H3-3.4-04]; [H3-3.6-02]; [H3-3.6-03]. Tuy nhiên, việc phân loại rác thải còn nhiều hạn chế.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ phòng vệ sinh cho trẻ, đội ngũ quản lí, giáo viên, nhân viên. Khu nhà vệ sinh luôn đảm bảo diện tích, sạch, thoáng mát, không ô nhiễm môi trường. Có đủ nước sạch sinh hoạt và phục vụ cho ăn uống cho trẻ và quản lí, giáo viên, nhân viên. Đảm bảo hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

3. Điểm yếu

Việc phân loại rác thải còn nhiều hạn chế. Nhà vệ sinh của trẻ chưa có các thiết bị, đồ dùng vệ sinh hiện đại, thuận tiện cho trẻ trong sinh hoạt.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng chỉ đạo cho phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng triển khai hướng dẫn cho giáo viên, nhân viên phân loại rác thải hợp lý và khả thi hơn từ nhóm lớp đến khu vực tập trung rác của trường; tăng cường kiểm tra các hệ thống cống rãnh, hệ thống thoát nước để xử lý kịp thời những khu vực hư hỏng nhằm giúp môi trường thông thoáng, đảm bảo vệ sinh môi trường tốt hơn; kiểm tra thường xuyên việc đảm bảo vệ sinh, thông thoáng các khu vực nhà vệ sinh của trẻ, nhà vệ sinh của quản lí, giáo viên, nhân viên; chỉ đạo nhân viên bảo vệ thường xuyên vệ sinh sục rửa bồn chứa nước, bồn lọc để đảm bảo an toàn nguồn nước sinh hoạt. Hiệu trưởng lập kế hoạch, lộ trình, dự kiến kinh phí 100.000.000 đồng để mua sắm bổ sung các thiết bị, đồ dùng vệ sinh hiện đại trong nhà vệ sinh của các lớp giúp trẻ thuận tiện trong sinh hoạt, đáp ứng tốt hơn nhu cầu chăm sóc vệ sinh trẻ; dự kiến thực hiện và hoàn thành vào tháng 8 năm 2027

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Kết luận về tiêu chuẩn 3:

Điểm mạnh nổi bật

Nhà trường có khuôn viên và các công trình được xây dựng kiên cố, diện tích sân chơi, phòng sinh hoạt chung và hiên chơi đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Các phòng học, phòng ngủ, phòng ăn, phòng hoạt động giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật, bếp ăn được trang bị đầy đủ đồ dùng cho trẻ sinh hoạt đảm bảo phục vụ tốt cho các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo

dục trẻ đạt hiệu quả. Nhà vệ sinh và hệ thống cấp thoát nước được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định.

Diện tích sân chơi cho trẻ rộng thoáng mát có cây xanh che phủ kín, hệ thống máy tính được kết nối internet mạng nội bộ phục vụ tốt cho công tác quản lý và công tác dạy học.

Điểm yếu cơ bản

Bếp ăn chưa có bố trí chỗ pha sữa sáng.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/06.

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường gia đình và xã hội

Mở đầu:

Trong những năm học qua, nhà trường rất chú trọng đến mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội. Để nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đạt hiệu quả cao nhất cần phải có sự phối hợp của cha mẹ trẻ. Nhà trường và giáo viên thường xuyên tạo mối liên hệ với cha mẹ trẻ bằng nhiều hình thức đa dạng, làm tốt công tác tham mưu với chính quyền địa phương và phối hợp với các tổ chức đoàn thể ở địa phương trong việc đảm bảo an ninh trật tự xung quanh khu vực trường học.

Ươm Mầm & Phát Triển

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ

Mức 1:

- a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;
- b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Đầu năm học, nhà trường tổ chức họp cha mẹ trẻ em các nhóm, lớp để bầu ra ban đại diện cha mẹ học sinh ở mỗi nhóm lớp gồm 02 thành viên (01 trưởng ban, 01 phó ban); sau đó nhà trường tiến hành tổ chức Đại hội đại biểu cha mẹ học sinh và thống nhất bầu ra Ban đại diện cha mẹ học sinh ở trường gồm 05 người (01 trưởng ban, 01 phó ban, 01 thư ký, và 02 thành viên) [H4-4.1-01]. Trong 05 năm qua, ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động theo nguyên tắc đồng thuận, thống nhất cao, chủ động phối hợp giữa nhà trường, địa phương và cha mẹ trẻ em đúng theo quy định tại điều 9 của Thông tư 55/2011/TT-BGD&ĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ Giáo dục Đào tạo [H4-4.1-01].

b) Ban đại diện cha mẹ học sinh có kế hoạch hoạt động theo năm học. Kế hoạch được xây dựng dựa trên tình hình thực tế của nhà trường đã được thảo luận, thống nhất trong các cuộc họp cha mẹ trẻ và buổi họp Đại hội đại biểu cha mẹ học sinh đầu năm [H4-4.1-01].

c) Ban đại diện cha mẹ học sinh dựa trên kế hoạch hoạt động đã xây dựng trong năm học để tổ chức triển khai các hoạt động nhằm đảm bảo các công việc được thực hiện đúng tiến độ, đạt hiệu quả như kế hoạch đã đề ra; các nội dung, kế hoạch trong những năm qua của ban đại diện cha mẹ học sinh đều thực hiện đúng tiến độ trên nguyên tắc công khai, tự nguyện của cha mẹ trẻ toàn trường. Sau mỗi học kỳ, năm học, ban đại diện cha mẹ học sinh họp rút kinh nghiệm về những mặt đạt được và chưa đạt được; kịp thời bổ sung, điều chỉnh kế hoạch hoạt động đem lại hiệu quả cao cho công tác phối hợp với nhà trường nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H4-4.1-01]; [H1-1.1-01]; [H1-1.1-03].

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục: tài trợ trải thảm cỏ

nhân tạo 500 m² để tạo môi trường an toàn cho trẻ; tài trợ đồ chơi cho khu phát triển tư duy; hỗ trợ cải tạo lại khu phát triển vận động cho trẻ phát triển thể chất; phối hợp tổ chức các hoạt động lễ hội Trung Thu, Tết và mùa xuân, tổng kết năm học, hội thi an toàn giao thông, rung chuông vàng... [H4-4.1-01]. Bên cạnh đó, Ban đại diện cha mẹ học sinh còn phối hợp với nhà trường hướng dẫn, phổ biến pháp luật, chủ trương, chính sách về giáo dục: cách nuôi dạy con khỏe, chống bạo hành trẻ em, quyền trẻ em... nhằm nâng cao trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ, giáo dục trẻ [H4-4.1-02].

Mức 3:

Trong nhiều năm qua, Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động theo kế hoạch đề ra, chủ động phối hợp với nhà trường thực hiện tốt các nhiệm vụ theo Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; phối hợp với hiệu trưởng tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục theo nội dung được thống nhất tại cuộc họp đầu năm học; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ nhằm nâng cao trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ, giáo dục học sinh [H4-4.1-01]; phối hợp với nhà trường, giáo viên giúp trẻ hoàn chỉnh các kỹ năng theo yêu cầu trong Chương trình giáo dục mầm non; trao phần thưởng cho học sinh xuất sắc cuối năm học; giúp đỡ học sinh nghèo hiếu học, học sinh có hoàn cảnh khó khăn [H4-4.1-02]. Tuy nhiên, còn 02% cha mẹ trẻ em chưa hợp tác với giáo viên trong giáo dục kỹ năng sống cho trẻ nên việc đáp ứng các yêu cầu theo Chương trình giáo dục mầm non chưa đạt hiệu quả cao.

2. Điểm mạnh

Ban đại diện cha mẹ học sinh được thành lập và có kế hoạch hoạt động theo năm học, phối hợp hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

3. Điểm yếu

Còn 02% cha mẹ trẻ em chưa hợp tác với giáo viên trong giáo dục kỹ năng sống cho trẻ nên việc đáp ứng các yêu cầu theo chương trình giáo dục mầm non chưa đạt hiệu quả cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục tăng cường phối hợp chặt chẽ, hiệu quả với Ban đại diện cha mẹ học sinh trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ: thống nhất nội dung trong buổi họp đầu năm, tăng cường tuyên truyền đến cha mẹ trẻ em các lớp về nội dung, hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ qua sổ liên lạc, bảng tin lớp, trao đổi trực tiếp trong giờ đón, trả trẻ để cha mẹ trẻ em kịp thời nắm bắt các thông tin, hỗ trợ rèn luyện kỹ năng cho trẻ ở nhà nhằm giúp trẻ phát triển tốt các kỹ năng theo yêu cầu độ tuổi.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường.

Mức 1:

a) *Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

b) *Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

c) *Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.*

Mức 2:

a) *Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;*

b) *Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.*

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường luôn chủ động tham mưu với cấp ủy chi bộ, Đảng ủy-Ủy ban nhân dân phường Tân Thới Hiệp thông qua các buổi họp giao ban, văn bản tham mưu về kế hoạch và các biện pháp để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường, cụ thể như công tác tuyển sinh, công tác vệ sinh môi trường, an ninh trật tự, chăm sóc sức khỏe phòng chống dịch bệnh nhằm nâng cao chất lượng của nhà trường để đáp ứng nhu cầu phát triển xã hội [H1-1.1-01]; [H1-1.1-03]; [H1-1.5-04].

b) Trường Mầm non Hoa Mai 2 tuyên truyền đến phụ huynh thông qua các cuộc họp giữa nhà trường và cha mẹ trẻ, bảng tin trường, bảng thông báo nhằm nâng cao nhận thức trách nhiệm của cha mẹ trẻ về chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục về mục tiêu, kế hoạch giáo dục của nhà trường: công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; kế hoạch tuyển sinh; kế hoạch năm học; an toàn giao thông và đảm bảo an ninh trật tự. Ngoài ra, giáo viên ở các lớp còn tuyên truyền nội dung nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, phòng chống bạo hành, phòng chống dịch bệnh thông qua bản tin lớp, phát thanh nhà trường, các buổi họp phụ huynh, sổ bé ngoan, sổ liên lạc, trao đổi trực tiếp giữa giáo viên và phụ huynh về tình hình sức khỏe của trẻ [H4-4.2-01]; [H1-1.1-03].

c) Nhà trường phối kết hợp tốt với các tổ chức đoàn thể trong nhà trường, chính quyền địa phương, ban đại diện cha mẹ học sinh để huy động sử dụng hiệu quả các nguồn lực hợp pháp cho nhà trường: hỗ trợ đồ dùng, đồ chơi ngoài trời, trong lớp; trải thảm cỏ trong sân trường [H4-4.2-02].

Mức 2:

a) Nhà trường chủ động tham mưu cấp ủy Đảng, Ủy ban nhân dân phường Tân Thới Hiệp về các chủ trương nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện đúng theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường đã đề ra [H1-1.1-01].

b) Nhà trường phối hợp với chi bộ, chi đoàn để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch: ngày hội Bé đến trường, Tết Trung Thu, Tết và mùa xuân, Giỗ tổ Hùng Vương, ngày kỷ niệm phụ nữ 8/3, ngày Quốc tế thiếu nhi, ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam... phù hợp với truyền thống của địa phương [H1-1.1-03]; [H1-1.7-02]; [H5-5.1-01].

Mức 3:

Trong những năm qua, nhà trường và ban đại diện cha mẹ học sinh tham mưu, phối hợp có hiệu quả với Đảng ủy, Ủy ban nhân dân, Công an, Dân quân, Hội khuyến học phường Tân Thới Hiệp nhằm phối hợp triển khai thực hiện tốt nếp sống văn minh môi trường văn hóa lành mạnh, an toàn giao thông, an ninh trật tự nơi làm việc, học tập gắn với quy chế văn hóa công sở đối với cán bộ, công chức, viên chức; chấp hành đường lối chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước góp phần xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa giáo dục của địa phương [H1-1.10-01]; [H1-1.1-03]; [H4-4.2-03]. Tuy nhiên, hình thức tuyên truyền trên bản tin của các lớp còn đơn điệu, chưa thu hút sự quan tâm của phụ huynh học sinh.

2. Điểm mạnh

Nhà trường chủ động tham mưu, phối hợp hiệu quả với cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, các tổ chức, đoàn thể thực hiện kế hoạch giáo dục, hoạt động lễ hội; huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp đúng quy định tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển trở thành trung tâm văn hóa giáo dục của địa phương.

3. Điểm yếu

Hình thức tuyên truyền trên bản tin của các lớp còn đơn điệu, chưa thu hút sự quan tâm của phụ huynh học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy hiệu quả việc tham mưu với chính quyền địa phương, đồng thời huy động được nhiều nguồn lực xã hội, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống, trở thành trung tâm văn hóa giáo dục của địa phương. Hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục hướng dẫn giáo viên lựa chọn giới thiệu phong phú nội dung tuyên truyền, gần gũi, phù hợp với thực tế; đổi mới đa dạng, hấp dẫn các hình thức tuyên truyền để nâng cao hiệu quả công tác truyền thông; cung cấp một số trang web có nội dung và hình ảnh đa dạng nhằm giúp cha mẹ trẻ em nắm bắt kịp thời các thông tin và phối hợp trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Kết luận về tiêu chuẩn 4:

Điểm mạnh nổi bật

Ban đại diện cha mẹ học sinh được thành lập đúng quy trình và hoạt động đạt hiệu quả cao; thực hiện tốt công tác tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện tốt phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển, huy động được các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân để xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

Điểm yếu cơ bản

Còn 02% cha mẹ trẻ em chưa hợp tác với giáo viên trong giáo dục kỹ năng sống cho trẻ nên việc đáp ứng các yêu cầu theo chương trình giáo dục mầm non chưa đạt hiệu quả cao.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 02/02

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/02

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

Mở đầu:

Nhiệm vụ chính của trường mầm non là chăm sóc và giáo dục trẻ, vì vậy trong quá trình thực hiện nhà trường đã theo dõi thể lực trẻ theo quy định của Điều

lệ trường mầm non để có biện pháp tích cực nhằm xóa suy dinh dưỡng, giúp cho các bé thừa cân được chăm sóc tốt hơn.

Về phát triển nhận thức cho trẻ theo mục tiêu của Chương trình giáo dục mầm non: nhà trường thực hiện việc giáo dục thể chất cho trẻ; tạo điều kiện cho trẻ chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động văn nghệ; có một số kỹ năng cơ bản, thể hiện cảm xúc về âm nhạc và tạo hình; có ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường, vệ sinh cá nhân; quan tâm chăm sóc, bảo vệ cây xanh, vật nuôi; có ý thức chấp hành quy định về an toàn giao thông nhằm giúp trẻ phát triển hài hòa về thể lực và trí tuệ.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non

Mức 1:

- a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch
- b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;
- c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.

Mức 2:

- a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng;
- b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.

Mức 3:

- a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương;
- b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường và giáo viên có thực hiện kế hoạch giáo dục năm, tháng, tuần. Kế hoạch giáo dục có nội dung cụ thể phù hợp với từng độ tuổi, đảm bảo tính khoa học theo nguyên tắc đồng tâm đi từ dễ đến khó, tính liên thông giữa các độ tuổi đúng theo Chương trình giáo dục mầm non quy định. Hằng ngày, đội ngũ giáo viên luôn tổ chức các hoạt động học, vui chơi, vệ sinh, ăn, ngủ giúp trẻ phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ đúng theo kế hoạch đã đề ra [H1-1.1-02]; [H1-1.8-01].

b) Thông qua các buổi họp tổ chuyên môn, đội ngũ giáo viên trong tổ luôn bàn luận, thống nhất, điều chỉnh và phát triển nội dung trong Chương trình giáo dục mầm non để phù hợp tình hình thực tế của đơn vị, kinh nghiệm của trẻ, sự hài hòa giữa nuôi dưỡng và chăm sóc giáo dục đúng với sự chỉ đạo của cấp lãnh đạo [H1-1.4-05]; [H1-1.4-06]. Trong những năm học qua, kế hoạch giáo dục của nhà trường, của giáo viên luôn được Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 12 kiểm tra và nhận xét đánh giá; có sự điều chỉnh phát triển Chương trình giáo dục mầm non, thực hiện đúng theo sự chỉ đạo của ngành học, phù hợp với điều kiện nhà trường, phù hợp với trẻ ở lớp [H1-1.1-03]; [H1-1.8-03].

c) Trong quá trình tổ chức cho trẻ học tập, vui chơi và các sinh hoạt khác trong ngày, giáo viên ở lớp luôn có sự quan sát trẻ và có nhận xét đánh giá sự phát triển của trẻ theo ngày, giai đoạn, cuối độ tuổi; giúp giáo viên kịp thời điều chỉnh và bổ sung nội dung vào kế hoạch giáo dục cho giai đoạn tiếp theo để phù hợp với trẻ tại lớp [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02]. Kế hoạch giáo dục của các lớp luôn được tổ trưởng chuyên môn, phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục phê duyệt đánh giá hằng tuần, hằng tháng để đảm bảo giáo viên thực hiện giảng dạy đúng và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp kế hoạch giáo dục theo Chương trình giáo dục mầm non [H1-1.4-06]; [H1-1.7-02]; [H1-1.8-01].

Mức 2:

a) Nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ đúng theo Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định; trong quá trình giảng dạy, đội ngũ giáo viên linh hoạt trong phương pháp, sử dụng đa dạng các phương tiện

dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy giúp trẻ hứng thú tích cực tham gia học tập, phát triển toàn diện các lĩnh vực theo từng độ tuổi [H1-1.8-01]. Việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường trong những năm qua được đánh giá mang tính khả thi, đảm bảo về chất lượng đúng theo tinh thần chỉ đạo của ngành học [H1-1.8-01]; [H5-5.1-01].

b) Hằng năm, nhà trường, đội ngũ giáo viên luôn điều chỉnh và phát triển nội dung trong Chương trình giáo dục mầm non để đảm bảo cho chương trình giảng dạy luôn phù hợp với văn hóa địa phương, phù hợp với khả năng và nhu cầu tiếp thu của trẻ, căn cứ vào chương trình giảng dạy, đội ngũ giáo viên đã tổ chức các giờ học, vui chơi, tổ chức giờ học ngoại khóa. Qua đó, giúp trẻ biết được các đặc điểm nổi bật của các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử của Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh; hiểu ý nghĩa của các ngày lễ hội trong năm và các sự kiện văn hóa của đất nước, của địa phương mình đang sinh sống [H1-1.8-01]; [H5-5.1-01].

Mức 3:

a) Nhà trường có tổ chức cho giáo viên học tập, tham khảo tài liệu về phương pháp giảng dạy tiên tiến: Steam, Montessori, Reggio Emilia để có thêm kiến thức trong việc vận dụng phát triển Chương trình giáo dục mầm non và tổ chức hoạt động giáo dục. Tuy nhiên, nhà trường chưa vận dụng được nhiều chương trình, phương pháp giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới để phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành [H1-1.8-01].

b) Hằng năm, nhà trường có tổ chức đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục của giáo viên thông qua buổi họp sơ kết học kỳ I và buổi họp đánh giá kết quả cuối năm học; trong buổi nhận xét đánh giá, quản lý và tổ trưởng chuyên môn luôn chỉ ra những hạn chế của đội ngũ và yêu cầu đội ngũ cần linh hoạt trong phương pháp, đa dạng về phương tiện và hình thức giảng dạy; phải luôn coi trọng sự tiến bộ của từng trẻ và phải thường xuyên qua quan sát hoạt động hàng ngày để có cơ sở vững chắc, qua đó kịp thời điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H1-1.1-03]; [H1-1.1-06]; [H1-1.4-05]; [H1-1.7-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường tổ chức thực hiện và phát triển Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch đảm bảo chất lượng và phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với tình hình thực tế địa phương và điều kiện nhà trường, đáp ứng nhu cầu và khả năng của trẻ; định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non của các lớp, qua đó có điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục phù hợp để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa vận dụng được nhiều chương trình, phương pháp giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới để phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục tổ chức thực hiện đảm bảo chất lượng Chương trình giáo dục mầm non; chú trọng lồng ghép các yếu tố có liên quan đến văn hóa của địa phương vào thực hiện chương trình, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ. Hiệu trưởng chỉ đạo cho hội đồng chuyên môn đẩy mạnh nghiên cứu, giới thiệu đến giáo viên các trang thông tin, tài liệu giáo dục mầm non của các nước tiên tiến trong khu vực để tham khảo, học tập, vận dụng trong phát triển phát triển Chương trình phù hợp với điều kiện của nhà trường. Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục và tổ trưởng chuyên môn lên kế hoạch dự giờ, tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, hội giảng chuyên đề, tạo điều kiện để cho đội ngũ được học tập các đơn vị ở trường bạn trong và ngoài quận để học tập kinh nghiệm tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục mầm non.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

Mức 1:

a) *Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;*

b) *Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;*

c) *Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.*

Mức 2:

Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 3:

Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Đội ngũ giáo viên biết dựa vào nội dung Chương trình giáo dục mầm non, mục tiêu cuối độ tuổi, bộ chuẩn phát triển trẻ năm tuổi để lựa chọn mục tiêu, nội dung giáo dục cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển của trẻ, từ đó xây dựng giáo án với các hoạt động, phương pháp phù hợp với mục tiêu và khả năng của trẻ ở lớp [H1-1.8-01]. Đối với trẻ nhà trẻ, giáo viên biết linh hoạt chọn lựa phương pháp giao tiếp để thể hiện sự yêu thương gắn bó giữa người lớn với trẻ, qua đó giúp trẻ được giao lưu cảm xúc, kích thích sự phát triển các giác quan; đối với trẻ mẫu giáo, giáo viên luôn vận dụng linh hoạt nhiều phương pháp trong một giờ hoạt động tạo điều kiện cho trẻ được trải nghiệm, tìm tòi khám phá môi trường xung quanh, qua đó giúp trẻ hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách và phát triển những kỹ năng sống cần thiết phù hợp lứa tuổi [H5-5.1-01]. Trong những năm học qua, nhà trường được Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 12 kiểm tra đánh giá và nhận xét đội ngũ giáo viên thực hiện linh hoạt các phương pháp giảng dạy, đảm bảo phù hợp với mục tiêu nội dung giáo dục theo Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường [H1-1.8-03].

b) Căn cứ vào điều kiện nhà trường, nhu cầu vui chơi học tập của học sinh, hiệu trưởng và hai phó hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên xây dựng môi trường học tập và vui chơi theo đúng tinh thần của chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ

làm trung tâm” [H1-1.4-07]; [H3-3.2-01]. Môi trường giáo dục do giáo viên tổ chức đã thể hiện tính giáo dục, khoa học, thẩm mỹ, gắn liền học với cuộc sống thực tế giúp trẻ hứng thú trong vui chơi, tích cực trong học tập, được trải nghiệm khám phá mở rộng các kiến thức, kỹ năng sống phù hợp độ tuổi [H3-3.2-01]; [H3-3.1-03]; [H5-5.1-01].

c) Dựa vào kỹ năng của trẻ ở lớp, dựa vào điều kiện thực tế của nhà trường (lớp học và sân chơi rộng, có nhiều đồ dùng đồ chơi ngoài sân, có phòng chức năng), đội ngũ giáo viên đã linh hoạt lựa chọn nhiều hình thức, phương pháp giáo dục phù hợp để tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ ở lớp [H1-1.8-01]. Trong một giờ học giáo viên luôn thay đổi nhiều hình thức hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, hoạt động cả lớp, tổ chức hoạt động học ở ngoài sân trường, sử dụng nhiều đồ dùng dạy học để kích thích sự hứng thú, tích cực của trẻ trong học tập và giúp trẻ tiếp thu tốt kiến thức, hoàn chỉnh các kỹ năng [H1-1.8-01]; [H5-5.1-01].

Mức 2:

Trong những năm học qua, đội ngũ giáo viên trong nhà trường biết dựa vào môi trường xung quanh lớp học, trường học để tổ chức cho trẻ hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh; biết tận dụng môi trường đa dạng (ở ngoài sân trường) với nhiều loài động thực vật, nhiều khu vực sân chơi với đa dạng đồ dùng, trang thiết bị để tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ: tổ chức cho trẻ học vẽ, học thể dục ở ngoài sân vườn, tổ chức cho trẻ khám phá các côn trùng ngoài vườn cây, tổ chức cho trẻ khám phá các loại rau, loài hoa, tổ chức cho trẻ chăm sóc và thu hoạch rau do trẻ tự trồng. Qua các giờ học nêu trên, đội ngũ giáo viên đã tận dụng hiệu quả các giáo cụ trực quan sinh động xung quanh trường lớp tạo nhiều cơ hội cho trẻ tiếp thu kiến thức một cách hứng thú, tự nhiên, học tập tích cực và đầy hào hứng [H1-1.8-01]; [H5-5.2-01].

Mức 3:

Hằng năm, cán bộ quản lý và đội ngũ giáo viên trong nhà trường luôn đổi mới môi trường hoạt động trong và ngoài lớp học: sắp xếp, trang trí không gian học tập của trẻ hợp lý, thẩm mỹ, thân thiện đối với trẻ; các khu vực chơi cho trẻ được thiết kế phù hợp, sắp xếp thuận tiện, đa dạng đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu đảm bảo

an toàn, sạch đẹp kích thích hứng thú của trẻ, bên cạnh đó đội ngũ giáo viên nắm vững cách sử dụng, tính năng, tác dụng của từng loại trang thiết bị, đồ chơi, học liệu giúp trẻ sử dụng phù hợp, hiệu quả đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu cho từng chủ đề, tổ chức cho trẻ làm việc theo công đoạn, theo cặp đôi, nhóm nhỏ và cả lớp trong lớp và ngoài trời; luôn tạo bầu không khí giao tiếp tích cực, tôn trọng, khuyến khích trẻ tham gia hoạt động, tạo cho trẻ cơ hội trao đổi, chia sẻ ý kiến, giúp đỡ lẫn nhau giúp trẻ phát triển và đạt được mục tiêu giáo dục đã đề ra [H1-1.8-01]; [H5-5.2-01]; [H5-5.2-02]. Tuy nhiên, còn 01 giáo viên mới chưa chủ động vận dụng các phương pháp tiên tiến để kết hợp đổi mới phương pháp tổ chức hoạt động cho trẻ.

2. Điểm mạnh

Giáo viên thực hiện linh hoạt các phương pháp, hình thức đa dạng đảm bảo phù hợp với mục tiêu nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường. Tổ chức tốt môi trường giáo dục trong và ngoài lớp theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú và khả năng của trẻ, tạo nhiều cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm.

3. Điểm yếu

Còn 01 giáo viên mới chưa chủ động vận dụng các phương pháp tiên tiến để kết hợp đổi mới phương pháp tổ chức hoạt động cho trẻ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo, hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn thường xuyên tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, hướng dẫn giáo viên nắm vững các tiêu chí thực hành “Giáo dục lấy trẻ làm trung tâm”; chú trọng đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục; đa dạng các hoạt động khám phá, trải nghiệm; tạo cơ hội cho trẻ cùng tham gia thiết kế, xây dựng môi trường giáo dục trong và ngoài lớp phù hợp với khả năng, nhu cầu của trẻ; hướng dẫn nguồn tài liệu về các phương pháp giáo dục tiên tiến như Steam, Reggio Emilia, Montessori để giáo viên có thể kết hợp ứng dụng vào tổ chức linh hoạt, sáng tạo các hoạt động giáo dục. Giáo viên thường xuyên trao đổi, tạo sự

đồng thuận và thu hút cha mẹ trẻ em tích cực tham gia xây dựng môi trường giáo dục, hỗ trợ đồ dùng, đồ chơi và tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

Mức 1:

- a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;
- b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;
- c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 2:

- a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ;
- b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định;
- c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 3:

Có ít nhất 95% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Vào đầu mỗi năm học, nhà trường có xây dựng kế hoạch chăm sóc sức khỏe cho trẻ tại đơn vị; đồng thời hiệu trưởng nhà trường có thực hiện công văn đề nghị y tế phường Tân Thới Hiệp tổ chức khám sức khỏe cho trẻ 02 lần/năm [H1-1.5-04]; [H5-5.3-01].
- b) Nhà trường có 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, cân nặng, cân đo chiều cao theo quy định được trích từ nguồn kinh phí của đơn vị [H1-1.5-04]; 100% trẻ

được đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng trong sổ sức khỏe [H5-5.3-02].

c) Đối với trẻ nhà trẻ, trẻ suy dinh dưỡng, trẻ thừa cân béo phì nhà trường tổ chức cho trẻ được đo chiều cao, cân nặng hàng tháng; hàng quý trẻ mẫu giáo được theo dõi đánh giá qua biểu đồ tăng trưởng trong sổ sức khỏe theo quy định [H5-5.3-02]. Đầu năm học 2023–2024, nhà trường có số lượng trẻ suy dinh dưỡng cân nặng là 05/528 trẻ, tỷ lệ 01%; trẻ thừa cân, béo phì là 26/528 trẻ tỷ lệ 04,90%. Bộ phận chuyên môn có kế hoạch, phương án phòng chống trẻ suy dinh dưỡng cân nặng, trẻ thừa cân béo phì như: tổ chức cho trẻ suy dinh dưỡng ăn thêm bữa phụ để bổ sung thêm dinh dưỡng cho trẻ; có kế hoạch vận động cho trẻ thừa cân béo phì và ăn nhiều chất xơ trong bữa ăn của trẻ, phối hợp cùng phụ huynh chăm sóc trẻ để giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng cân nặng, trẻ thừa cân béo phì. Đến thời điểm cuối năm học 2023-2024, trẻ suy dinh dưỡng được cải thiện tình trạng dinh dưỡng là 05/05 trẻ, tỷ lệ: 100%; trẻ thừa cân béo phì được cải thiện tình trạng dinh dưỡng còn thấp 02/26 trẻ, tỷ lệ 07,70% [H1-1.5-04]; [H1-1.7-03].

Mức 2:

a) Nhà trường có kế hoạch truyền thông với nội dung mang tính khả thi: chế độ ăn của trẻ, thực đơn, phòng chống dịch bệnh theo mùa; nhà trường mời bác sĩ ở Trung tâm y tế dự phòng tuyên truyền tư vấn cho phụ huynh về chế độ dinh dưỡng cho trẻ, và các loại bệnh phổ biến hiện nay: tay chân miệng, sốt xuất huyết, bệnh sởi [H1-1.5-04]; [H1-1.10-04].

b) Nhà trường có sử dụng phần mềm dinh dưỡng để xây dựng thực đơn, tính khẩu phần ăn để khẩu phần dinh dưỡng cân đối, có phối hợp thực đơn theo mùa; trẻ được ăn ba bữa chính phụ trong ngày và đạt năng lượng cơ cấu từng bữa ăn theo qui định [H1-1.7-03].

c) Thông qua kết quả đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ đầu và giữa năm học, nhà trường có kế hoạch, phương án đảm bảo 100% trẻ suy dinh dưỡng thừa cân béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp: tổ chức cho trẻ suy dinh dưỡng ăn thêm bữa phụ để bổ sung thêm dinh dưỡng cho trẻ; có kế hoạch vận

động cho trẻ thừa cân béo phì và ăn nhiều chất xơ trong bữa ăn của trẻ, phối hợp cùng phụ huynh chăm sóc trẻ để giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng cân nặng, trẻ thừa cân béo phì [H1-1.5-04]; [H1-1.7-03]. Tuy nhiên, tỷ lệ trẻ thừa cân, béo phì được cải thiện tình trạng dinh dưỡng chưa đạt cao (năm học 2020-2021: đạt 13,04%, năm học 2023-2024: đạt 07,69%).

Năm học	Số	Suy dinh dưỡng				Thừa cân, béo phì			
		Đầu vào	Đầu ra	Phục hồi	Tỷ lệ phục hồi	Đầu vào	Đầu ra	Phục hồi	Tỷ lệ phục hồi
2019-2020	571	00				23	10	13	56,52%
2020-2021	545	00				23	20	03	13,04%
2021-2022	441	00				20	06	14	70%
2022-2023	554	00				20	11	09	45%
2023-2024	528	05	00	05	100%	26	24	02	7,69%

Mức 3:

Đầu năm 2023-2024 nhà trường thực hiện đo chiều cao, cân nặng trẻ, số lượng trẻ có cân nặng và chiều cao phát triển bình thường tỷ lệ 95% [H1-1.5-04]; [H1-1.7-03]. Bộ phận chuyên môn có kế hoạch can thiệp chế độ dinh dưỡng, chế độ vận động đối với trẻ suy dinh dưỡng cân nặng, trẻ thừa cân béo phì đến thời điểm báo cáo số lượng trẻ có cân nặng và chiều cao phát triển bình thường tỷ lệ 95,2% [H1-1.5-04]; [H1-1.7-03].

Năm học	Số	Số trẻ SDD-TC-BP	Kênh A	Tỷ lệ
2019-2020	571	10	561	98%
2020-2021	545	20	525	96%
2021-2022	441	06	435	99%
2022-2023	554	11	543	98%
2023-2024	528	24	504	95%

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt công tác phối hợp với trạm y tế phường Tân Thới Hiệp, với cha mẹ trẻ em để chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ, luôn đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng của trẻ theo quy định. 100% trẻ được kiểm tra theo dõi sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng. 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp. Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng được cải thiện tình trạng đạt cao 100%.

3. Điểm yếu

Tỷ lệ trẻ thừa cân, béo phì được cải thiện tình trạng dinh dưỡng chưa đạt cao (năm học 2020-2021: đạt 13,04%, năm học 2023-2024: đạt 07,69%).

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024 - 2025 và những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì hiệu quả công tác phối hợp với trạm y tế phường để chăm sóc sức khỏe cho trẻ; đảm bảo cân đối khẩu phần, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng phù hợp với độ tuổi. Hiệu trưởng chỉ đạo chỉ đạo phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng tiếp tục triển khai hiệu quả tăng cường vận động cho trẻ thừa cân béo phì vào các buổi sáng sau giờ thể dục sáng và các giờ vui chơi ngoài trời; tổ chức các buổi hội thảo, truyền thông cho cha mẹ trẻ em kiến thức chăm sóc nuôi dạy trẻ khoa học, thực đơn và chế độ dinh dưỡng cho trẻ theo độ tuổi, phòng chống dịch bệnh theo mùa, và các loại bệnh phổ biến; phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường với gia đình trong thực hiện các biện pháp phòng chống suy dinh dưỡng, dư cân, béo phì cho trẻ: bổ sung đa dạng các dưỡng chất cho trẻ suy dinh dưỡng; xây dựng chế độ dinh dưỡng hợp lý, tăng cường vận động cho trẻ thừa cân, béo phì để nâng cao tỷ lệ cải thiện tình trạng dinh dưỡng của trẻ thừa cân, béo phì.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.

Mức 2:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 80%.

Mức 3:

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%;

b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85%.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Tỷ lệ chuyên cần của trẻ 5 tuổi các năm qua đều đạt trên 96%, trẻ dưới 5 tuổi bình quân đạt 93,93% [H1-1.1-03]; [H1-1.5-03]; [H5-5.4-01].

Khối tuổi	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Tỷ lệ chuyên cần 05 năm
25-36 tháng	91,60%	93,60%	91,10%	92,80%	92,20%	92,26%
3-4 tuổi	93,60%	94,70%	94,60%	94,10%	93,20%	94,04%
4-5 tuổi	95,40%	96,50%	96,20%	94,90%	94,40%	95,48%
5-6 tuổi	97,80%	97,50%	97,80%	96,90%	96,20%	97,24%

b) Nhà trường thực hiện đầy đủ Chương trình giáo dục mầm non đối với trẻ 5 tuổi theo quy định, qua đó giúp trẻ phát triển các chức năng tâm sinh lý, những kỹ năng sống cần thiết và phù hợp với lứa tuổi nhằm chuẩn bị tốt tâm lý cho trẻ vào lớp một. Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non các năm học qua đều đạt 100% [H5-5.4-01].

Năm học	Số trẻ 5 tuổi	Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non
2019-2020	180	100%
2020-2021	184	100%
2021-2022	141	100%
2022-2023	150	100%
2023-2024	160	100%

c) Từ năm học 2019-2020 đến nay, trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.1-03].

Mức 2:

a) Tỷ lệ chuyên cần của trẻ 5 tuổi các năm qua đều đạt trên 96%, trẻ dưới 5 tuổi bình quân đạt 93,93% [H1-1.1-03]; [H1-1.5-03]; [H5-5.4-01]. Tuy nhiên, hàng năm vào đầu năm học trẻ ở độ tuổi 25-36 tháng chưa quen với chế độ sinh hoạt tại trường, hay khóc dễ bệnh do đó phụ huynh thường cho trẻ nghỉ học nên chưa đảm bảo chuyên cần vào đầu năm học.

Khối tuổi	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Tỷ lệ chuyên cần 05 năm
25-36 tháng	91,60%	93,60%	91,10%	92,80%	92,20%	92,26%
3-4 tuổi	93,60%	94,70%	94,60%	94,10%	93,20%	94,04%
4-5 tuổi	95,40%	96,50%	96,20%	94,90%	94,40%	95,48%
5-6 tuổi	97,80%	97,50%	97,80%	96,90%	96,20%	97,24%

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non các năm học qua đều đạt 100% [H5-5.4-01].

Năm học	Số trẻ 5 tuổi	Tỉ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non
2019-2020	180	100%
2020-2021	184	100%
2021-2022	141	100%
2022-2023	150	100%
2023-2024	160	100%

c) Từ năm học 2019-2020 đến nay, trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.1-03].

Mức 3:

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non các năm học qua đều đạt 100% [H5-5.4-01].

Năm học	Số trẻ 5 tuổi	Tỉ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non
2019-2020	180	100%
2020-2021	184	100%
2021-2022	141	100%
2022-2023	150	100%
2023-2024	160	100%

b) Từ năm học 2019-2020 đến nay, trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.1-03].

1. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt công tác vận động trẻ ra lớp và duy trì tỷ lệ chuyên cần của trẻ 5 tuổi hằng năm đều đạt trên 96%; 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non và được đánh giá theo Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi.

3. Điểm yếu

Đầu năm học trẻ ở độ tuổi 25-36 tháng chưa đến lớp thường xuyên do trẻ chưa quen với chế độ sinh hoạt tại trường, hay khóc, dễ bệnh do đó phụ huynh thường cho trẻ nghỉ học để chăm sóc ở nhà.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024 - 2025 và những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì tốt chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ theo quy định. Hiệu trưởng chỉ đạo các bộ phận, giáo viên duy trì và phát triển tỷ lệ trẻ đi học chuyên cần bằng giải pháp tăng cường công tác truyền thông đến cha mẹ trẻ em và cộng đồng về tầm quan trọng, sự cần thiết của việc đưa trẻ đến lớp thường xuyên, nhất là đối với trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi để hình thành các thói quen, kỹ năng học tập chuẩn bị tốt cho trẻ vào lớp một. Giáo viên nhóm nhà trẻ 25-36 tháng cần tăng cường các biện pháp giúp trẻ nhanh chóng thích nghi với trường lớp mới, thích nghi chế độ sinh hoạt tại trường, tổ chức tốt hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe, tạo niềm vui khuyến khích trẻ đi học chuyên cần hơn.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Điểm mạnh nổi bật

Trẻ được phát triển tốt về thể chất và tinh thần theo mục tiêu của Chương trình giáo dục mầm non do Bộ giáo dục ban hành. Nhà trường thực hiện tốt chế độ ăn uống hợp lý cho trẻ suy dinh dưỡng và có tổ chức cho trẻ béo phì luyện tập bằng nhiều hình thức phong phú phù hợp theo độ tuổi.

Nhà trường thực hiện tốt công tác vận động trẻ ra lớp và duy trì sĩ số học sinh, 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non và hàng năm đều có báo cáo kết quả về nội dung đánh giá trẻ. Trẻ có hoàn cảnh khó khăn luôn được quan tâm và hỗ trợ.

Điểm yếu cơ bản

Trẻ thừa cân béo phì giảm không đáng kể.

Đầu năm học trẻ ở độ tuổi 25-36 tháng chưa quen với chế độ sinh hoạt tại trường, hay khóc, dễ bệnh do đó phụ huynh thường cho trẻ nghỉ học nên chưa đảm bảo chuyên cần vào đầu năm học.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 04/04.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/04.

Phần III

KẾT LUẬN CHUNG

Trong quá trình thực hiện báo cáo tự đánh giá đã giúp Trường Mầm non Hoa Mai 2 một lần nữa khẳng định vị thế đối với phụ huynh, các cơ quan quản lý về năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tại đơn vị. Tuy nhiên, với tinh thần trách nhiệm cao trong công việc đội ngũ cũng đã nhìn nhận và đánh giá lại những mặt được cũng như những tồn tại để có kế hoạch cải tiến, khắc phục, thúc đẩy nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ để tạo sự tin nhiệm từ phía phụ huynh.

Qua quá trình tự đánh giá tại đơn vị, kết quả đạt được qua các chỉ báo, các tiêu chí về kiểm định chất lượng giáo dục và chuẩn quốc gia như sau:

- Số lượng tiêu chí đạt mức 1: 25/25; đạt tỷ lệ: 100%;
- Số lượng tiêu chí không đạt mức 1: 00/25; đạt tỷ lệ: 00%;
- Số lượng tiêu chí đạt mức 2: 25/25; đạt tỷ lệ: 100%;
- Số lượng tiêu chí không đạt mức 2: 00/25; đạt tỷ lệ: 00%;
- Số lượng tiêu chí đạt mức 3: 14/19, tỉ lệ 73,68%;
- Số lượng tiêu chí không đạt mức 3: 05/19, tỉ lệ 26,32%;
- Mức đánh giá của Trường Mầm non Hoa Mai 2: Mức 2.

Trường Mầm non Hoa Mai 2 đề nghị đạt Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 và đạt Chuẩn quốc gia mức độ 1./.

Quận 12, ngày 30 tháng 12 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký và đóng dấu)

Hồ Thị Hiệp

Phần IV. PHỤ LỤC

Bảng danh mục mã minh chứng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
Tiêu chí 1.1	1	[H1-1.1-01]	Hồ sơ phát triển xây dựng nhà trường (Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. Biên bản họp xây dựng phát triển nhà trường. Danh sách thành viên tham dự buổi họp...).	Nhiệm kỳ 2017-2022 Nhiệm kỳ 2022-2027	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.1-02]	Kế hoạch năm học.	Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	3	[H1-1.1-03]	Báo cáo tổng kết năm học.	Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021;	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

				Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024		
	4	[H1-1.1-04]	Hình ảnh công khai: Phương chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường tại bảng tin.	Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	5	[H1-1.1-05]	Sổ họp liên tịch nhà trường.	Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	6	[H1-1.1-06]	Sổ họp Hội đồng sư phạm nhà trường.	Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
Tiêu chí 1.2	1	[H1-1.2-01]	Hồ sơ các Hội đồng trong trường	Năm học 2019-2020;	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

		(Quyết định thành lập Hội đồng trường; Hội đồng sư phạm trường; biên bản họp; danh sách thành viên tham dự, biên bản kiểm tra giám sát hoạt động trường...).	Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024		
2	[H1-1.2-02]	Hồ sơ Hội đồng thi đua khen thưởng.	Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
3	[H1-1.2-03]	Hồ sơ Hội đồng chăm sóc kiến kinh nghiệm.	Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
4	[H1-1.2-04]	Hồ sơ Hội đồng chăm giáo viên giỏi.	Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023;	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

				Năm học 2023-2024		
Tiêu chí 1.3	1	[H1-1.3-01]	Hồ sơ Công đoàn (Quyết định chuẩn y Ban chấp hành công đoàn; nghị quyết công đoàn; kế hoạch hoạt động công đoàn; biên bản họp công đoàn; hình ảnh cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tham quan hè).	Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024	Liên đoàn lao động Quận 12	Chủ tịch công đoàn
	2	[H1-1.3-02]	Hồ sơ Chi đoàn (Quyết định chuẩn y Ban chấp hành chi đoàn; nghị quyết chi đoàn; kế hoạch hoạt động chi đoàn; biên bản họp chi đoàn).	Năm 2019 đến năm 2024	Đoàn phường Tân Thới Hiệp	Bí thư chi đoàn
	3	[H1-1.3-03]	Hồ sơ khuyến học (Quyết định, kế hoạch hoạt động).	Năm 2019 đến năm 2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	4	[H1-1.3-04]	Hồ sơ Chi hội Phụ nữ.	Năm 2019 đến năm 2024	Hội phụ nữ phường Tân Thới Hiệp	Hội trưởng

	5	[H1-1.3-05]	Hồ sơ chi bộ (Quyết định chuẩn y chi ủy; kế hoạch hoạt động chi bộ; kế hoạch chuyên đề; sổ họp).	Năm 2019 đến năm 2024	Đảng ủy phường Tân Thới Hiệp	Bí thư chi bộ
	6	[H1-1.3-06]	Giấy khen Chi bộ.	Năm 2019 đến năm 2024	Đảng ủy cấp trên	Phòng họp
	7	[H1-1.3-07]	Giấy khen Công đoàn.	Năm 2019 đến năm 2024	Liên đoàn lao động Quận 12	Phòng họp
	8	[H1-1.3-08]	Giấy khen Chi đoàn.	Năm 2019 đến năm 2024	Thành Đoàn Quận Đoàn Đoàn Phường	Phòng họp
	9	[H1-1.3-09]	Giấy khen Hội khuyến học.	Năm 2019 đến năm 2024	Ủy ban nhân dân Phường Tân Thới Hiệp	Phòng họp
	10	[H1-1.3-10]	Giấy khen Chi hội phụ nữ.	Năm 2019 đến năm 2024	Ủy ban nhân dân Phường Tân Thới Hiệp	Phòng họp

Tiêu chí 1.4	2	[H1-1.4-01]	Hồ sơ cá nhân của hiệu trưởng (Quyết định bổ nhiệm; văn bằng, chứng chỉ bồi dưỡng; giấy khen).	Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024	Ủy ban nhân dân Quận 12	Văn thư
	3	[H1-1.4-02]	Hồ sơ cá nhân của phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục (Quyết định bổ nhiệm; văn bằng, chứng chỉ bồi dưỡng, giấy khen).	Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024	Ủy ban nhân dân Quận 12	Văn thư Máy tính
	4	[H1-1.4-03]	Hồ sơ cá nhân của phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng (Quyết định bổ nhiệm; văn bằng, chứng chỉ bồi dưỡng, giấy khen).	Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024	Ủy ban nhân dân Quận 12	Văn thư Máy tính
	5	[H1-1.4-04]	Hồ sơ Quyết định, phân công phân nhiệm cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.	Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023;	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

				Năm học 2023-2024		
6	[H1-1.4-05]	Hồ sơ tổ chuyên môn, tổ văn phòng (Quyết định tổ chuyên môn, tổ văn phòng; kế hoạch hoạt động tổ; biên bản họp tổ).		Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng; Tổ trưởng chuyên môn	Hiệu trưởng
7	[H1-1.4-06]	Hình ảnh sinh hoạt tổ chuyên môn.		Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024	Tổ trưởng chuyên môn	Máy tính
8	[H1-1.4-07]	Hồ sơ chuyên đề.		Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục, Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Máy tính

Tiêu chí 1.5	1	[H1-1.5-01]	Hồ sơ tuyển sinh (Kế hoạch tuyển sinh của Ủy ban nhân dân Quận, Kế hoạch tuyển sinh của trường, danh sách học sinh theo độ tuổi).	Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024	Văn thư	Văn thư
	2	[H1-1.5-02]	Bảng thống kê số trẻ em/ nhóm/ lớp.	Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024	Văn thư	Văn thư
	3	[H1-1.5-03]	Sổ điểm danh học sinh.	Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024	Kế toán	Kế toán
	4	[H1-1.5-04]	Hồ sơ y tế (Bảng tổng hợp khám sức khỏe trẻ; hồ sơ khám sức khỏe cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; kế hoạch truyền thông; cân đo...).	Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023;	Y tế	Y tế

				Năm học 2023-2024		
Tiêu chí 1.6	1	[H1-1.6-01]	Hồ sơ văn thư (sổ công văn đến, sổ công văn đi, hồ sơ lưu công văn đi, đến).	Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024	Văn thư	Văn thư
	2	[H1-1.6-02]	Hồ sơ kế toán (Quyết định; dự toán; các chứng từ mua sắm; quản lý tài sản, tài chính; bảng chi lương cho đội ngũ; hóa đơn mua đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị).	Năm 2019 đến năm 2024	Kế toán	Kế toán
	3	[H1-1.6-03]	Hồ sơ Quy chế chi tiêu nội bộ.	Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	4	[H1-1.6-04]	Sổ tài sản các lớp.	Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022;	Giáo viên	Phó hiệu trưởng

				Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024		
Tiêu chí 1.7	1	[H1-1.7-01]	Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn của hai phó hiệu trưởng.	Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng	Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng
	2	[H1-1.7-02]	Hồ sơ chuyên môn của phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục (Kế hoạch năm, tháng, tuần; sổ họp chuyên môn; hồ sơ chấm thi tay nghề; hồ sơ dự giờ).	Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Máy tính
	3	[H1-1.7-03]	Hồ sơ chuyên môn của phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng (Kế hoạch năm, tháng, tuần; kế hoạch chăm sóc nuôi dưỡng; sổ họp chuyên môn; hồ sơ chấm thi tay nghề; hồ sơ dự giờ; hồ sơ bán trú).	Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng

	4	[H1-1.7-04]	Hồ sơ phòng chống cháy nổ (Phương án phòng chống cháy nổ; biên bản kiểm tra phòng chống cháy nổ; giấy chứng nhận nhân viên, giáo viên tham gia khóa học công tác cứu nạn, cứu hộ).	Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	5	[H1-1.7-05]	Hình ảnh cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tham gia tập huấn phòng chống cháy, nổ.	Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Máy tính
	6	[H1-1.7-06]	Giấy chứng nhận tập huấn vệ sinh an toàn thực phẩm của nhân viên nấu ăn.	Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024	Trung tâm y tế dự phòng Quận 12	Y tế
Tiêu chí 1.8	1	[H1-1.8-01]	Hồ sơ giáo viên (Kế hoạch giáo dục năm, tháng, tuần, giáo án; sổ bé ngoan, sổ liên lạc; hồ sơ lưu sản	Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022;	Giáo viên	Giáo viên

			phẩm của trẻ).	Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024		
	2	[H1-1.8-02]	Hồ sơ đánh giá trẻ.	Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục Giáo viên	Máy tính
	3	[H1-1.8-03]	Biên bản kiểm tra đánh giá về chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của các cấp có thẩm quyền. Biên bản kiểm tra việc thực hiện Chương trình nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của các cấp có thẩm quyền.	Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
Tiêu chí 1.9	1	[H1-1.9-01]	Hồ sơ Hội nghị Người lao động.	Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

	2	[H1-1.9-02]	Hồ sơ thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Ủy ban nhân dân phường Tân Thới Hiệp	Công đoàn
Tiêu chí 1.10	1	[H1-1.10-01]	Phương án, biên bản, hình ảnh đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học. Quy chế phối hợp công an phường Tân Thới Hiệp về phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.	Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.10-02]	Phương án, biên bản, hình ảnh đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.	Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	3	[H1-1.10-03]	Phương án, biên bản, hình ảnh phòng chống tai nạn thương tích.	Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023;	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

				Năm học 2023-2024		
4	[H1-1.10-04]	Phương án, biên bản, hình ảnh an toàn phòng chống dịch bệnh. Quy chế phối hợp Trạm y tế phường Tân Thới Hiệp phòng chống dịch bệnh.		Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
5	[H1-1.10-05]	Phương án, biên bản, hình ảnh an toàn phòng chống tệ nạn xã hội và phòng chống bạo lực trong nhà trường.		Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
6	[H1-1.10-06]	Hồ sơ thực hiện bếp ăn đủ điều kiện an toàn thực phẩm.		Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024	Ủy ban nhân dân Quận 12 Cục an toàn thực phẩm thành phố	Hiệu trưởng
7	[H1-1.10-07]	Hình ảnh hộp thư góp ý trước cổng trường.		Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022;	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

				Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024		
Tiêu chí 2.1	01	[H2-2.1-01]	Hồ sơ đánh giá chuẩn hiệu trưởng (Phiếu đội ngũ đánh giá hiệu trưởng, phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng, phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục; phiếu tổng hợp đánh giá...).	Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
Tiêu chí 2.2	01	[H2-2.2-01]	Hồ sơ hợp đồng lao động giáo viên, nhân viên.	Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	02	[H2-2.2-02]	Danh sách giáo viên nhà trường có thông tin về trình độ đào tạo.	Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

	03	[H2-2.2-03]	Hồ sơ chuẩn nghề nghiệp giáo viên (Phiếu đánh giá xếp loại giáo viên, bảng tổng kết).	Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	04	[H2-2.2-04]	Hồ sơ quản lý nhân sự (Sơ yếu lý lịch, văn bằng, chứng chỉ bồi dưỡng, giấy khen..).	Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
Tiêu chí 2.3	01	[H2-2.3-01]	Bảng tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại nhân viên.	Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	02	[H2-2.3-02]	Danh sách nhân viên nhà trường có thông tin về trình độ đào tạo.	Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023;	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

				Năm học 2023-2024		
Tiêu chí 3.1	01	[H3-3.1-01]	Hồ sơ nhà đất (Hồ sơ thiết kế xây dựng; sơ đồ tổng thể các khu vực sân chơi, bếp, hồ bơi, nhà vệ sinh giáo viên, khu hành chính trong nhà trường).	Năm 2006	Ủy ban nhân dân Quận 12	Hiệu trưởng
	02	[H3-3.1-02]	Hình ảnh biển tên trường và tường rào.	Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Máy tính
	03	[H3-3.1-03]	Hình ảnh từng khu vực chơi của trẻ (Có sân chơi, cây xanh, đồ chơi ngoài sân trường).	Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Máy tính
	04	[H3-3.1-04]	Danh mục đồ dùng – đồ chơi.	Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022;	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

				Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024		
Tiêu chí 3.2	01	[H3-3.2-01]	Hình ảnh phòng học và sinh hoạt chung.	Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Máy tính
	03	[H3-3.2-02]	Hình ảnh phòng giáo dục nghệ thuật.	Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Máy tính
	04	[H3-3.2-03]	Hình ảnh khu vực giáo dục thể chất.	Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Máy tính
	05	[H3-3.2-04]	Hình ảnh phòng cho trẻ làm quen ngoại ngữ.	Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chăm	Máy tính

					sóc giáo dục	
	06	[H3-3.2-05]	Hình ảnh phòng cho trẻ làm quen tin học.	Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Máy tính
	07	[H3-3.2-06]	Hình ảnh phòng đa chức năng.	Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Máy tính
	08	[H3-3.2-07]	Hình ảnh khu vực cho trẻ làm quen với môn bơi.	Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Máy tính
Tiêu chí 3.3	01	[H3-3.3-01]	Hình ảnh khu hành chính quản trị.	Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Máy tính

	02	[H3-3.3-02]	Hình ảnh phòng y tế.	Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Máy tính
	03	[H3-3.3-03]	Hình ảnh khu vực để xe.	Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Máy tính
Tiêu chí 3.4	01	[H3-3.4-01]	Hình ảnh bếp ăn.	Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Máy tính
	02	[H3-3.4-02]	Hình ảnh kho thực phẩm.	Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023;	Y tế	Máy tính

				Năm học 2023-2024		
03	[H3-3.4-03]	Hình ảnh tủ lưu mẫu thức ăn.		Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024	Y tế	Máy tính
04	[H3-3.4-04]	Hồ sơ hợp đồng (Hợp đồng nước máy Trung An; công ty nước khoáng Lavi; hợp đồng xử lý rác thải Phường Tân Thới Hiệp; công ty Viettel về cung cấp dịch vụ internet và nối mạng nội bộ).		Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
05	[H3-3.4-05]	Giấy xét nghiệm nước.		Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024	Cơ quan chức năng	Hiệu trưởng
06	[H3-3.4-06]	Hình ảnh khu vực để gas.		Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chăm	Máy tính

					sóc nuôi dưỡng	
	07	[H3-3.4-07]	Hình ảnh việc xử lý rác tại trường.	Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Máy tính
Tiêu chí 3.5	01	[H3-3.5-01]	Hình ảnh đồ chơi tự làm.	Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Máy tính
	02	[H3-3.5-02]	Sổ báo hư tài sản.	Năm 2023	Kế toán	Kế toán
	03	[H3-3.5-03]	Kế hoạch phân công sửa chữa.	Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	04	[H3-3.5-04]	Sổ theo dõi đồ chơi tự làm của giáo	Năm học 2019-2020;	Giáo viên	Giáo viên

			viên.	Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024		
Tiêu chí 3.6	01	[H3-3.6-01]	Hình ảnh nhà vệ sinh các lớp.	Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Máy tính
	02	[H3-3.6-02]	Hình ảnh hệ thống thoát nước ra cống rãnh.	Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024	Y tế	Máy tính
	03	[H3-3.6-03]	Hình ảnh khu vực để rác của lớp, của nhà trường.	Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024	Y tế	Máy tính

	04	[H3-3.6-04]	Quy chế phối hợp y tế phường Tân Thới Hiệp về phương án xử lý chất thải.	Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
Tiêu chí 4.1	01	[H4-4.1-01]	Hồ sơ ban đại diện cha mẹ học sinh (Danh sách Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp - trường; biên bản họp cha mẹ học sinh lớp - trường; kế hoạch hoạt động; biên bản họp).	Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	02	[H4-4.1-02]	Tài liệu, hình ảnh tuyên truyền (cách nuôi dạy con, chống bạo hành trẻ em, quyền trẻ em, phát thưởng học sinh xuất sắc, tặng quà cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, các hoạt động lễ hội sự kiện...).	Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Văn thư
Tiêu chí 4.2	01	[H4-4.2-01]	Hình ảnh và bài tuyên truyền phòng chống dịch bệnh, bản tin lớp.	Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022;	Giáo viên	Máy tính

				Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024		
	02	[H4-4.2-02]	Hình ảnh cơ sở vật chất nhà trường trước và sau khi sửa chữa.	Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Máy tính
	03	[H4-4.2-03]	Giấy công nhận đơn vị văn hóa.	Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
Tiêu chí 5.1	01	[H5-5.1-01]	Hình ảnh về các hoạt động giờ học của trẻ.	Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024	Giáo viên	Máy tính
Tiêu chí 5.2	01	[H5-5.2-01]	Hình ảnh các sản phẩm của trẻ.	Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024	Giáo viên	Máy tính
	02	[H5-5.2-02]	Hình ảnh môi trường hoạt động trong và ngoài lớp.	Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022;	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Máy tính

				Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024		
Tiêu chí 5.3	01	[H5-5.3-01]	Hình ảnh tổ chức khám sức khỏe, chích ngừa cho trẻ.	Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024	Y tế	Máy tính
	02	[H5-5.3-02]	Sổ sức khỏe của trẻ.	Năm học 2024 - 2025	Giáo viên	Giáo viên
Tiêu chí 5.4	01	[H5-5.4-01]	Hồ sơ phôi cập trẻ 5 tuổi.	Năm học 2019-2020; Năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022; Năm học 2022-2023; Năm học 2023-2024	Văn thư	Hiệu trưởng